

**UBND TỈNH BẮC GIANG**  
**SỞ Y TẾ**

## **KẾ HOẠCH**

**Hợp phần truyền thông vệ sinh thuộc Chương trình mở rộng quy  
mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả  
tỉnh Bắc Giang năm 2017**

**Bắc Giang, tháng 5 năm 2017**

## KẾ HOẠCH

### Hợp phần truyền thông vệ sinh thuộc Chương trình mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dự trên kết quả tỉnh Bắc Giang năm 2017

#### PHẦN I: ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

##### 1. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ VỆ SINH CỦA TỈNH

###### 1.1. Tình hình chung toàn tỉnh:

Bắc Giang là một tỉnh thuộc khu vực Đông Bắc bộ bao gồm 01 thành phố và 9 huyện và 230 xã phường thị trấn chia làm hai vùng vùng trung du và vùng núi, dân số tự nhiên là 1,64 triệu người và 403681 hộ. Theo số điều tra báo cáo của Chương trình MTQG NS&VSMT nông thôn các huyện hiện nay có 220 xã thuộc khu vực nông thôn; 394547 hộ gia đình, trong đó số hộ nghèo và hộ cận nghèo: chiếm tỷ lệ 14,54%. Dân số 1611552 người thuộc khu vực nông thôn..

Trong những năm qua, mặc dù không được hỗ trợ kinh phí hoạt động của Dự án Chương trình Mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn nhưng Sở Y tế vẫn chỉ đạo Trung tâm KSBT, TTYT huyện duy trì các hoạt động tuyên truyền, tổ chức tập huấn vận động hướng dẫn nhân dân các mô hình nhà tiêu HVS để nhân dân tự bỏ vốn xây dựng nhà tiêu, hàng năm có khoảng 4.800 nhà tiêu được xây mới. Bởi vậy góp phần không nhỏ trong việc cải thiện các điều kiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường cho người dân khu vực nông thôn của tỉnh Bắc Giang

###### 1.2. Tình hình nước sạch và vệ sinh môi trường

Theo số báo cáo của các huyện hiện nay, Bắc Giang có tỷ lệ số hộ sử dụng các nguồn cấp nước chính như sau: Nước giếng khoan 28,5%; Nước giếng khơi: 56,6%; Trạm cấp nước tập trung tại các khu vực dân cư và nước máy: 11,0% ; còn lại 4,9% số hộ sử dụng nước mặt và bể chứa nước mưa. Đối với nhà tiêu hiện tại có 94,0% số hộ có nhà tiêu trong đó tỷ lệ số hộ có nhà tiêu 02 ngăn: 50,8%; nhà tiêu tự hoại: 37,4%; nhà tiêu 01 ngăn: 10,3%; còn lại là các nhà tiêu khác. Tỷ lệ nhà tiêu HVS: 69,44%.

Tuy nhiên tỷ lệ các xã không đồng đều, hiện tại có 47,9% số xã có tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu HVS dưới 65%, đặc biệt còn một số xã miền núi, vùng khó khăn ngập lụt hàng năm có số hộ gia đình có nhà tiêu HVS dưới 30% như: Xã Cẩm Sơn (23,8%), Sơn Hải 17,8%, Hộ Đáp (13,3%), Sa Lý (18,7%), Tân Sơn (25,5%) của huyện Lục Ngạn; nên không tránh khỏi việc phóng uế bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

### 1.2.1 Thực trạng bao phủ nhà tiêu hộ gia đình năm 2015

Tổng số xã: 220	Tỷ lệ nhà tiêu < 30%	Tỷ lệ nhà tiêu ≤ 30 - < 50%	Tỷ lệ nhà tiêu 50 - < 65%	Tỷ lệ nhà tiêu ≥ 65%
Số xã	10	54	41	115
%	4,5	24,5	18,6	52,2

### 1.2.2. Thực trạng Công trình vệ sinh và nước sạch trạm y tế xã

Tại các trạm y tế theo số liệu điều tra báo cáo năm 2016: Tỷ lệ trạm y tế có nhà tiêu và giếng nước HVS: 95,5%. Tuy nhiên, tại một số trạm số lượng nhà tiêu không đủ theo quy định, chưa có nhà tiêu riêng cho nam và nữ và cán bộ trạm vẫn dùng chung với bệnh nhân. Còn lại 34,55% trạm chưa có đủ nhà tiêu HVS (76 trạm) cần phải cải tạo thêm trong những năm tiếp theo.

### 1.2.3. Thực trạng công trình vệ sinh và nước sạch trong trường học

Bắc Giang hiện có 805 trường học (268 trường Mầm non, 260 trường Tiểu học, 240 trường THCS, 37 trường THPT). Có 766 trường học có đủ công trình vệ sinh hợp vệ sinh, trong đó có 1.312 công trình vệ sinh cho học sinh và 962 công trình vệ sinh cho giáo viên. Cơ bản các trường đều sử dụng nguồn cấp nước từ giếng khoan hoặc nước máy, một số trường ở vùng cao, miền núi sử dụng nước mặt và bể chứa nước mưa.

Vệ sinh trong trường học trong thời gian qua đã được chú trọng nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề về sử dụng và bảo dưỡng công trình cũng như chất lượng nước. Rất nhiều trường học ở vùng miền núi và nông thôn không có hoặc không có đủ nhà vệ sinh, và đa số các nhà vệ sinh ở trong tình trạng thiếu nước sạch, hư hỏng, mất vệ sinh và bốc mùi. Nhiều nơi có nhà vệ sinh nhưng không được sử dụng, có nơi lại không đáp ứng được số lượng học sinh dẫn đến việc quá tải và mất vệ sinh.

Hiện nay, vẫn còn rất nhiều trường học coi các công trình vệ sinh là công trình phụ nên chưa quan tâm bố trí kinh phí thường xuyên cho công tác giữ gìn vệ sinh và bảo quản các công trình này. Nhiều trường học điều kiện khó khăn nên cũng không thuê nhân lực nên công tác vệ sinh chủ yếu là tự quản. Việc xã hội hóa phục vụ công tác này còn chưa có các quy định và hướng dẫn cụ thể nên các trường chưa thể triển khai được và vẫn phải tùy vào điều kiện của trường hoặc bỏ ngỏ.

Các trường học ở 50 xã thuộc 6 huyện chọn tham gia chương trình, có 582 công trình nước và 2.408 nhà vệ sinh. Cán bộ, giáo viên và học sinh đã có nhận thức tốt về công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân. Tuy nhiên, một số trường miền núi, khu vực khó khăn vẫn còn nhiều trường học thiếu nhà tiêu và đang sử dụng nhà tiêu chưa hợp vệ sinh. Vì vậy, việc tuyên truyền cho học sinh về việc bảo vệ nguồn nước, sử dụng tiết kiệm nước sạch và bảo quản tốt công trình cấp nước trong trường học cũng như tại cộng đồng là cần thiết.

### 1.2.3. Thực trạng công tác giám sát chất lượng nước.

Năm 2012 - 2015 tỉnh Bắc Giang không cấp kinh phí cho Trung tâm YTDP để kiểm tra giám sát chất lượng nước nhưng hàng năm Sở Y tế vẫn giao chỉ tiêu kiểm tra

cho các huyện để tổ chức kiểm tra vệ sinh nguồn nước sinh hoạt hộ gia đình và các trạm cấp nước tập trung trên địa bàn.

Riêng đối với nhà máy nước cung cấp cho người dân thành phố Bắc Giang TTYTDP, Trung tâm đã hợp đồng với nhà máy nước kiểm tra chất lượng nước định kỳ theo quy định

#### **1.2.4 Thuận lợi, khó khăn**

##### **\* Thuận lợi**

- Hàng năm Sở Y tế giao kế hoạch, chỉ tiêu nhà tiêu HVS tới các huyện, xã.
- 100% các TTYT huyện, Trạm Y tế xã đều có cán bộ chuyên trách VSMT.

##### **\* Khó khăn**

- Nhận thức của người dân còn hạn chế.
- Sự quan tâm của các cấp chính quyền chưa tập trung chỉ đạo.
- Sự đầu tư kinh phí cho hợp phần vệ sinh không có.
- Sự phối hợp liên ngành chưa chặt chẽ.
- Chưa thiết lập được mạng lưới cán bộ cấp cơ sở, chưa huy động được đội ngũ cộng tác viên thôn bản tham gia chương trình.
- Năng lực cán bộ tuyến xã, thôn còn hạn chế vì chưa được tập huấn, chưa có tính chuyên nghiệp.
- Các mô hình truyền thông vận động cộng đồng thiếu tính bền vững, không có kinh phí hoạt động.

## **2. MỤC TIÊU TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh nông thôn được cải thiện cho người dân ở các vùng nông thôn của tỉnh Bắc Giang.

#### **Các mục tiêu truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh đến 2020 như sau:**

- 100% hộ dân trong 50 xã “Vệ sinh toàn xã” (98.966 hộ với 399.117 người dân) được tuyên truyền, vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, thông qua cung cấp thông tin về các loại nhà tiêu hợp vệ sinh, cũng như cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng quy cách;
- 100% hộ dân trong 50 xã “Vệ sinh toàn xã” được cung cấp kiến thức về vệ sinh cá nhân và rửa tay với xà phòng và nước sạch vào các thời điểm quan trọng;
- 100% giáo viên và học sinh các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở (không kể các điểm trường) trong 50 xã “Vệ sinh toàn xã” (38.300 học sinh và 2.250 giáo viên) được cung cấp kiến thức về sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh đúng quy cách, rửa tay với xà phòng và nước sạch vào các thời điểm quan trọng;
- Các chủ cửa hàng, nhà sản xuất vật liệu xây dựng đồng ý trở thành CHTI và cộng tác viên, thợ xây trong 50 xã “Vệ sinh toàn xã” được đào tạo tập huấn về thị

trường vệ sinh, kỹ thuật xây dựng nhà tiêu, lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng bán hàng để xây dựng và phát triển thành hệ thống cửa hàng tiện ích.

- 90% cán bộ TYT xã, y tế thôn bản (298 cán bộ trạm Y tế xã và 602 Y tế thôn bản) tham gia thực hiện Chương trình được đào tạo tập huấn về các mô hình thúc đẩy vệ sinh; truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh; thúc đẩy thị trường vệ sinh, kiểm tra, giám sát vệ sinh nhà tiêu HGD; nhà tiêu trường học và trạm y tế.

- Các nhà lãnh đạo Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể các cấp và những người có vai trò lãnh đạo trong cộng đồng như trưởng thôn, bản tại địa phương cung cấp thông tin về tầm quan trọng và các nội dung vệ sinh nông thôn nhằm đưa chỉ tiêu tỷ lệ HGD sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, số thôn bản đạt ODF, vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương các cấp và cam kết thực hiện.

## 2.2. Mục tiêu hợp phần vệ sinh của tỉnh

Năm	Số huyện có can thiệp	Số xã đạt VSTX	Số thôn trong xã VSTX	Số hộ được hưởng lợi	Số người được hưởng lợi	Số học sinh được hưởng lợi
2016	02	04	27	5.966	26.009	3.219
2017	02	17	181	29.004	115.553	17.405
2018	02	14	203	27.916	110.485	15.566
2019	01	7	81	17.969	76.825	11.378
2020	01	8	110	18.111	70.245	11.020

## 3. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG

Kế hoạch truyền thông được xây dựng theo các nguyên tắc sau:

- Tích hợp ba hợp phần chính trong truyền thông (Tạo cầu và truyền thông thay đổi hành vi; phát triển thị trường vệ sinh, thúc đẩy môi trường thuận lợi). Cả 3 hợp phần cần được triển khai đồng bộ và gắn kết với nhau theo một lộ trình phù hợp: Tạo nhu cầu và truyền thông thay đổi hành vi về điều kiện vệ sinh được cải thiện, phát triển thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ vệ sinh, vận động chính sách thúc đẩy môi trường thuận lợi nhằm đưa ra các chính sách, khung thể chế và tài chính, để từ đó tạo ra các chương trình vệ sinh nông thôn có hiệu quả, bền vững và có thể nhân rộng trên quy mô lớn.

- Chuẩn hoá các hoạt động truyền thông về vệ sinh cho mỗi cấp triển khai khác nhau (tỉnh, huyện, xã, thôn) để có thể dễ dàng đem nhân rộng ra áp dụng ra nhiều huyện. Thiết kế dạng mô-đun cho các gói hoạt động, để cấp tỉnh và huyện có thể triển khai theo từng giai đoạn, lựa chọn và ưu tiên triển khai ở một số xã nhất định trong giai đoạn đầu của chương trình và sau đó mở rộng ra các huyện, xã còn lại. Thời gian đề xuất triển khai một cách toàn diện kế hoạch cho một xã ít nhất là 12 tháng.

- Cộng đồng làm chủ đóng vai trò quyết định và loại hình nhà tiêu cần hướng đến: hợp vệ sinh, giá thành vừa phải, tiện lợi và đẹp.

## **4. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG**

### **4.1. Đối tượng**

*Đối tượng hưởng lợi:*

- Là các hộ gia đình nông thôn, chủ các cửa hàng tiện ích ngoài ra các cán bộ tham gia cũng sẽ được tăng cường nâng cao năng lực qua quá trình thực hiện của Chương trình.

- Là học sinh, giáo viên ở các trường tiểu học, trường mầm non và THCS trong địa bàn các xã triển khai chương trình.

### **4.2. Nội dung hoạt động**

Các hoạt động dưới đây nhằm thúc đẩy thực hiện mục tiêu của kế hoạch truyền thông, tập trung vào các lĩnh vực sau:

(i) Tạo môi trường thuận lợi;

(ii) Truyền thông nâng cao nhận thức nhằm thay đổi hành vi, tạo nhu cầu xây dựng và sử dụng nhà tiêu HVS;

(iii) Phát triển chuỗi thị trường vệ sinh.

**4.2.1. Tạo môi trường thuận lợi:** Tập trung vào các hoạt động chính là vận động chính sách, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện; giám sát và đánh giá.

#### ***4.2.1.1. Các hoạt động vận động chính sách:***

Vận động thông qua các kênh khác nhau bao gồm các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm tăng cường sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý về công tác vệ sinh thông qua hội thảo và các sự kiện, sử dụng video, tài liệu cung cấp các bằng chứng về tác động của vệ sinh đến sức khỏe và xã hội và các công cụ thông tin khác được thiết kế cho những người ra quyết định và lãnh đạo.

Thông qua các hội nghị triển khai vệ sinh các cấp:

- Vận động đại diện UBND, đại diện của tất cả các ban ngành liên quan tham gia vào các hội nghị này. Lồng ghép các mục tiêu thu hút sự quan tâm của các cấp lãnh đạo.

- Cung cấp các số liệu cụ thể, bằng chứng về công tác vệ sinh trong tỉnh: Số liệu báo cáo, băng video...

- Cung cấp các thông tin, các phương pháp và công cụ được sử dụng trong chương trình.

- Vận động các nhà quản lý đưa mục tiêu về vệ sinh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh/ huyện/ xã.

- Vận động các nhà quản lý tham gia trực tiếp vào một số hoạt động triển khai tại các cấp (ví dụ các sự kiện vệ sinh, phóng sự vệ sinh phát trên TV...), và các hoạt động đánh giá tại địa phương.

- Vận động các nhà quản lý tham gia vào các cuộc họp giao ban cấp tỉnh và huyện, xã.

- Tổ chức các sự kiện khen thưởng mô hình VSTX, xây dựng cơ chế khen thưởng đối với cá nhân/ đơn vị đạt thành tích xuất sắc.

#### **4.2.1.2. Các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện chương trình các cấp:**

- Trung tâm KSBT chịu trách nhiệm tiếp nhận bộ công cụ truyền thông và lựa chọn các giảng viên nông cốt cấp tỉnh. Trung tâm KSBT sẽ hỗ trợ TTYT huyện và trạm y tế xã trong việc lựa chọn các cán bộ tham gia tập huấn và triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng;

- *Lựa chọn giảng viên nông cốt tuyến tỉnh:* Trung tâm KSBT sẽ lựa chọn các giảng viên nông cốt cấp tỉnh, cử họ tham gia vào các lớp tập huấn do Chương trình trung ương tổ chức, những giảng viên này sẽ tập huấn lại cho các cán bộ cấp huyện. Số lượng giảng viên nông cốt tuyến tỉnh tham gia tập huấn sẽ phụ thuộc vào chỉ tiêu do VIHEMA quyết định

- *Tập huấn cho giảng viên nông cốt (TOT):* Các giảng viên nông cốt được tập huấn ở trung ương sẽ là các giảng viên cho các cấp thấp hơn để truyền đạt lại các kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng truyền thông tại cộng đồng. Các lớp tập huấn TOT ở các cấp tại địa phương sẽ tập trung vào các nội dung sau:

+ Kỹ năng truyền thông, vận động cộng đồng thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường;

+ Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình;

+ Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình; xây dựng và sử dụng nhà tiêu cải thiện, tiếp thị vệ sinh và kết nối chuỗi cung - cầu.

- *Các khóa tập huấn cho cán bộ thực hiện dự án:*

+ *Cấp huyện:* Xây dựng năng lực về kế hoạch cấp huyện, vận động chính sách, hỗ trợ và giám sát, điều phối giữa các hoạt động BCC và tăng cường chuỗi cung cấp khu vực tư nhân

+ *Cấp xã:* Xây dựng năng lực về kế hoạch cấp xã, hỗ trợ và giám sát thực hiện, và kết nối với khu vực tư nhân, ...

+ *Cấp Thôn bản:* bao gồm cán bộ y tế, trưởng thôn/làng, tổ chức quần chúng. Xây dựng năng lực về triển khai các hoạt động truyền thông, theo dõi và báo cáo.

- *Tập huấn cho giảng viên nông cốt của hệ thống giáo dục (TOT):* Chương trình sẽ cung cấp đào tạo để cải thiện năng lực của ngành GDĐT và cán bộ các trường trong thực hiện chương trình/hoạt động:

+ Lòng ghép truyền thông về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng - cho trẻ em mẫu giáo, ...), Sử dụng và bảo quan công trình nước và vệ sinh ở trường học;

+ Truyền thông qua các hoạt động ngoại khóa về những chủ đề nêu trên cho học sinh mầm non và tiểu học như các hội thi, biểu diễn văn nghệ...

- *Tập huấn cho khu vực tư nhân* để phát triển thị trường vệ sinh, phát triển các mô hình kinh doanh nhằm thúc đẩy thị trường vệ sinh phát triển. Hoạt động này bao gồm các khóa tập huấn sau:

+ Tập huấn về kỹ năng xây dựng nhà tiêu cho CHTI và thợ xây bao gồm: Các loại nhà tiêu và cấu tạo từng loại; Các vật liệu thay thế để xây nhà tiêu; Xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh giá rẻ; Các kỹ thuật xây nhà tiêu.

+ Tập huấn về kỹ năng tiếp thị bán hàng cho cộng tác viên.

+ Tập huấn cho CHTI, các chủ cửa hàng bán vật liệu xây dựng và các cá nhân tham gia kinh doanh về lập kế hoạch kinh doanh, cung cấp các thông tin về thị trường vệ sinh tiềm năng ở địa phương và giúp cửa hàng dự đoán thị trường và dự tính tài chính trước khi triển khai mô hình kinh doanh CHTI.

- *Thăm quan học tập:* Tổ chức thực hiện tham quan học tập kinh nghiệm giữa các huyện với nhau và với các tỉnh bạn.

#### **4.2.1.3. Giám sát và đánh giá:**

- TTYTDP tỉnh sẽ tiếp nhận các biểu mẫu báo cáo chuẩn từ Trung ương để sử dụng vào theo dõi việc thực hiện các hoạt động BCC và cung cấp vệ sinh. Các báo cáo sẽ được sử dụng để thẩm tra việc thực hiện kế hoạch BCC. Báo cáo sẽ có đủ chi tiết, ví dụ họp thôn: ngày họp, số lượng người tham gia và giới tính, hoạt động, các vấn đề thảo luận, v.v...; các sự kiện bán hàng và xúc tiến vệ sinh: ngày sự kiện, người tham gia, số lượng bán hàng,... cũng cấu thành một phần của theo dõi và báo cáo.

- *Triển khai các hoạt động giám sát và thực hiện Chương trình tại cộng đồng.*

+ Giám sát của tuyến tỉnh: Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 2 lần/năm. Thực hiện giám sát, hỗ trợ 1 lần/hoạt động đối với các hoạt động như tập huấn, truyền thông, tổ chức sự kiện... của tuyến huyện, xã, thôn/bản.

+ Giám sát của tuyến huyện: Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 2 lần/năm. Thực hiện giám sát, hỗ trợ 1 lần/hoạt động đối với các hoạt động truyền thông, tổ chức sự kiện... của tuyến xã, thôn/bản.

+ Giám sát của tuyến xã: Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 2 lần/năm. Đối với giám sát riêng rẽ các hoạt động như truyền thông, họp thôn và các hoạt động do thôn tổ chức sẽ được ban điều hành xã căn cứ vào tình hình và số lượng tổ chức các hoạt động để lên kế hoạch giám sát và hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên.

- *Thực hiện hoạt động báo cáo tiến độ theo đúng định kỳ sau:*

+ Tuyên truyền viên thôn bản sẽ lập các báo cáo hoạt động tại thôn theo từng tháng và nộp lại cho cán bộ y tế xã vào ngày 30 hàng tháng.

+ Đối với hoạt động BCC ở cấp xã, trạm y tế xã lập báo cáo theo quý và nộp cho Trung tâm Y tế huyện vào ngày 30 cuối quý.

+ Huyện tổng hợp báo cáo và gửi TTYTDP theo quý, vào ngày 5 của tháng đầu mỗi quý tiếp theo.

+ TTYTDP báo cáo cho Ban điều hành chương trình tỉnh, Cục QLMTYT hàng quý, vào ngày 20 của tháng đầu mỗi quý tiếp theo. Hàng năm TTYTDP tỉnh tổng hợp báo cáo cho Sở NN-PTNT; Bộ NN-PTNT và Bộ Y tế ở cấp trung ương cùng với kế hoạch BCC cho năm tiếp theo.

- *Đối với Hoạt động BCC trong trường học do ngành giáo dục thực hiện:* Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh báo cáo cho Vụ Công tác Học sinh Sinh viên – Bộ Giáo dục



Đào tạo hàng quý và cũng báo cáo lên Bộ NN-PTNT. Hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp một báo cáo cho Sở NN-PTNT sau đó được nộp lên Bộ NN-PTNT và Bộ Giáo dục và Đào tạo ở cấp trung ương cùng với kế hoạch BCC hàng năm cho năm tiếp theo chịu trách nhiệm.

Quy trình theo dõi và báo cáo cho vệ sinh toàn xã cũng được xây dựng, bao gồm theo dõi tình hình vệ sinh được duy trì ở mẫu giáo, tiểu học và trung học công lập, và các trạm y tế cho những xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh toàn xã sau hai năm thực hiện. Các quy trình này sẽ được KTNN sử dụng để thẩm tra kết quả đạt được.

**4.2.2. Các hoạt động tạo cầu, truyền thông thay đổi hành vi** (chi tiết xem phần II kế hoạch 2017

#### **4.2.2.1 Ở cấp tỉnh, huyện**

- Hội nghị triển khai, tổng kết cấp tỉnh, huyện: Vận động chính sách thông qua các hội nghị lập kế hoạch, hội nghị tổng kết ... để có được sự cam kết của chính quyền và các bên liên quan tạo điều kiện và thực hiện chương trình.

- Ký kết hợp đồng in ấn, sản xuất và phân phối tài liệu truyền thông: Toàn bộ các tài liệu/ công cụ truyền thông được sử dụng trong quá trình thực hiện sẽ do TTYTDP tỉnh in ấn và sau đó phân phát về cho huyện → xã → thôn theo số lượng được dự trù cụ thể:

+ *Tài liệu hướng dẫn thực hiện các hoạt động BCC*: tài liệu này được phát cho cán bộ y tế các cấp, CTV thôn bản, CHTI và cộng tác viên.

+ *Danh mục sản phẩm nhà tiêu*: Tài liệu này sẽ được phát cho các tuyên truyền viên thôn bản, cộng tác viên bán hàng, thợ xây, CHTI.

+ Pano: Sẽ được treo ở những khu vực đông người qua lại, ở những trục đường giao thông chính hoặc trung tâm của huyện, xã.

+ Tờ rơi sẽ được phát cho các HGD trong hoạt động họp thôn hoặc thăm hộ gia đình.

+ Đĩa tuyên truyền về nhà tiêu HVS và rửa tay bằng xà phòng: Các đĩa này sẽ được phát cho các thôn để tuyên truyền trong các buổi họp thôn, họp lồng ghép, trong các khóa tập huấn và trong các hội nghị, hội thảo.

+ Tranh, bạt, băng rôn tuyên truyền: Sử dụng trong các sự kiện truyền thông;

+ Áp phích tuyên truyền về nhà tiêu HVS và rửa tay bằng xà phòng: Áp phích sẽ được sử dụng trong các buổi họp thôn, treo tại trung tâm y tế, trường học, UBND xã, nhà văn hóa thôn.

+ Khuôn đổ ống bi bê tông: Các khuôn phục vụ cho việc đổ ống bi bê tông làm nhà tiêu hợp vệ sinh sẽ được cung cấp cho các CHTI;

- Các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như phát các thông điệp về vệ sinh môi trường, xây dựng các phóng sự, tin bài về tình hình vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức phát động phong trào vệ sinh môi trường trong sự kiện truyền thông lớn như lễ mít tinh, lễ phát động hưởng ứng các ngày vệ sinh yêu nước (02/7), ngày nhà tiêu thế giới (19/11), ngày thế giới rửa tay với xà phòng (15/10)....

- *Hoạt động nâng cao năng lực* cho cán bộ các cấp: các cán bộ nòng cốt thực hiện Chương trình tuyến tỉnh, huyện sẽ được tuyển trung ương hỗ trợ, đào tạo thành các giảng viên nòng cốt để có khả năng truyền đạt, hướng dẫn và hỗ trợ cán bộ tuyến dưới triển khai tốt các hoạt động của Chương trình.

- Trung tâm KSBT, TTYT huyện sẽ trực tiếp thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức Lễ công nhận xã đạt Vệ sinh toàn xã tại các xã

#### **4.2.2.1. Các hoạt động truyền thông tại cấp xã**

Xã là đơn vị hành chính cơ sở với hệ thống chính trị đồng bộ, có vai trò quyết định. Cần thiết xây dựng cấp xã là cấp thực hiện cơ bản trong các Chương trình VSNT, trong đó trạm Y tế xã trở thành tổ chức thực hiện VSNT chủ chốt, tiên phong trong việc vận động người dân xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và thay đổi hành vi vệ sinh một cách bền vững. Các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về nhà tiêu hợp vệ sinh do cán bộ y tế cấp xã làm đầu mối tổ chức, điều hành với sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội như hội phụ nữ, cụ thể như sau:

- *Hội nghị triển khai Chương trình Vệ sinh của xã*: Hội nghị này được tổ chức với nội dung và hình thức thực hiện tương tự như hội nghị cấp tỉnh, huyện.

- *Phát tin qua loa truyền thanh*: Loa phát thanh là phương tiện rất cần thiết trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chính trị tại địa phương, đồng thời là phương tiện hữu ích với những người dân để tiếp nhận thông tin. Loa phát thanh xã sẽ đưa những bản tin, những quy định pháp luật, những tấm gương điển hình hoặc đơn giản là giới thiệu mô hình chuỗi cung ứng... liên quan đến vệ sinh. Các bản tin sẽ do cán bộ y tế xã xây dựng và chịu trách nhiệm phát trên loa. Thời điểm phát cụ thể sẽ do UBND xã quyết định vào các đợt cao điểm truyền thông Vệ sinh môi trường.

- *Tổ chức các buổi truyền thông* trực tiếp theo Mô hình Vệ sinh tổng thể có sự tham gia của cộng đồng (CLTS) hoặc các phương pháp truyền thông trực tiếp khác theo định hướng của Chương trình. Trạm y tế xã phối hợp với TTYT huyện, tổ chức đối với một số thôn bản có tỷ lệ nhà tiêu thấp.

- *Tổ chức các sự kiện vệ sinh tại cộng đồng*: “Ngày hội vệ sinh” cấp xã sẽ được tổ chức vào một trong các ngày: Ngày vệ sinh yêu nước, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng, Ngày nhà tiêu Thế giới.

#### **4.2.2.1. Các hoạt động truyền thông tại cấp thôn:**

Phần lớn các nỗ lực BCC sẽ được tập trung vào những mục tiêu phát huy hiệu quả nhất trong thay đổi hành vi: ở hộ gia đình, thôn/bản, ở cấp xã; ở mẫu giáo, tiểu học, THCS sau khi tiếp nhận các công trình mới trong chương trình. Cách tiếp cận chung là thông qua chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi được thực hiện bởi các cán bộ y tế thôn/bản, được hỗ trợ bởi cộng tác viên, hội phụ nữ, đoàn thể... Các hoạt động cụ thể như sau:

- *Vẽ sơ đồ vệ sinh thôn bản* : Sơ đồ vệ sinh thôn thể hiện được tình hình vệ sinh trong thôn một cách trực quan. Các nhãn màu khác nhau sẽ biểu thị rõ tình trạng vệ sinh của từng hộ: có nhà tiêu hợp vệ sinh, có nhà tiêu không hợp vệ sinh, hoặc chưa có nhà tiêu. Mỗi thôn sẽ có một sơ đồ thôn khi bắt đầu chương trình vệ sinh và sẽ được cập nhật trước và sau mỗi cuộc họp thôn chuyên về vệ sinh hộ gia đình. Sơ đồ thôn sẽ được tuyên truyền viên sử dụng trong các buổi họp thôn chuyên về vệ sinh, trong các buổi họp lồng ghép và được treo ở nhà văn hóa thôn.

- *Các cuộc họp thôn về vệ sinh* : Hội họp thôn chuyên đề về vệ sinh là một trong những kênh truyền thông chính để vận động các hộ gia đình đầu tư vào vấn đề vệ sinh và cải thiện các thói quen vệ sinh. Mỗi thôn sẽ tổ chức 2 cuộc họp thôn. Cuộc họp thôn thứ nhất, tập trung nâng cao nhận thức và tuyên truyền các lợi ích của nhà tiêu hợp vệ sinh và giới thiệu bản đồ vệ sinh thôn. Cuộc họp thôn thứ hai và các cuộc họp lồng ghép chủ đề vệ sinh môi trường sẽ tập trung cung cấp các thông tin về các cơ sở cung ứng nhà tiêu, giá thành và phương án mua hàng. Thu được cam kết và kế hoạch xây nhà tiêu của người dân; tập trung cập nhật bản đồ vệ sinh thôn và nâng cao nhận thức của người dân về cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng cách. Hội họp thôn chuyên về vệ sinh sẽ được tổ chức trong năm đầu tiên ở các xã can thiệp. Các năm sau không tổ chức hội họp chuyên đề mà hội họp lồng ghép trong các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể hoặc các cuộc họp khác của thôn.

- *Hội họp lồng ghép (kết hợp nội dung vệ sinh trong các cuộc họp thôn thông thường)* Các cuộc họp thường kỳ trong thôn sẽ đưa thêm các nội dung về vệ sinh vào trong chương trình cuộc họp, để cung cấp các thông tin cập nhật về các vấn đề vệ sinh và tình trạng vệ sinh trong thôn.

- *Thăm hộ gia đình*: Đây là kênh truyền thông quan trọng thứ hai trong chiến dịch truyền thông. Các tuyên truyền viên thôn bản sẽ đến thăm các hộ dân và vận động hộ dân xây nhà tiêu hợp vệ sinh sau khi đã giải thích cụ thể cho họ hiểu về các lợi ích của nhà tiêu hợp vệ sinh, về giá cả và đặc tính của các phương án nhà tiêu khác nhau. Trong các chuyến thăm hộ, người tuyên truyền viên sẽ phải thay đổi các thông điệp vận động và các nội dung cung cấp cho hộ gia đình sao cho phù hợp với hoàn cảnh của hộ đó, ví dụ như khả năng chi trả, diện tích đất sẵn có, nguồn nước sử dụng, và các động cơ xây dựng nhà tiêu của hộ, hướng dẫn cho hộ dân biết cách sử dụng và bảo quản từng loại nhà tiêu, đồng thời cố gắng kết nối hộ dân với các cơ sở cung ứng nhà tiêu và các cộng tác viên bán hàng. Nếu người dân thực sự không có khả năng chi trả, tuyên truyền viên sẽ hướng dẫn cho hộ cách tự xây nhà tiêu (sử dụng tờ rơi hướng dẫn tự xây nhà tiêu) để họ có thể tự xây được nhà tiêu theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật khi có khả năng về kinh tế.

- *Tuyên truyền trên loa phát thanh*: Kênh truyền thông này sẽ tập trung tuyên truyền các thông điệp vận động và các thông tin hữu ích như các quy định về vệ sinh, lịch họp thôn về vệ sinh hay tỷ lệ bao phủ nhà tiêu hợp vệ sinh trong thôn. Loa phát thanh chỉ là kênh truyền thông phụ trợ để tuyên truyền các thông điệp vận động với độ dài khoảng 01 phút và các bản tin dài khoảng 3 phút. Cán bộ địa phương có thể phát tin thông báo về các sự kiện vệ sinh cấp xã qua mạng lưới loa phát thanh hàng tuần.

#### **4.2.3. Các hoạt động phát triển thị trường vệ sinh**

##### **a. Lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh.**

Có 2 loại mô hình kinh doanh chính trong lĩnh vực vệ sinh cần được lựa chọn và phát triển bao gồm:

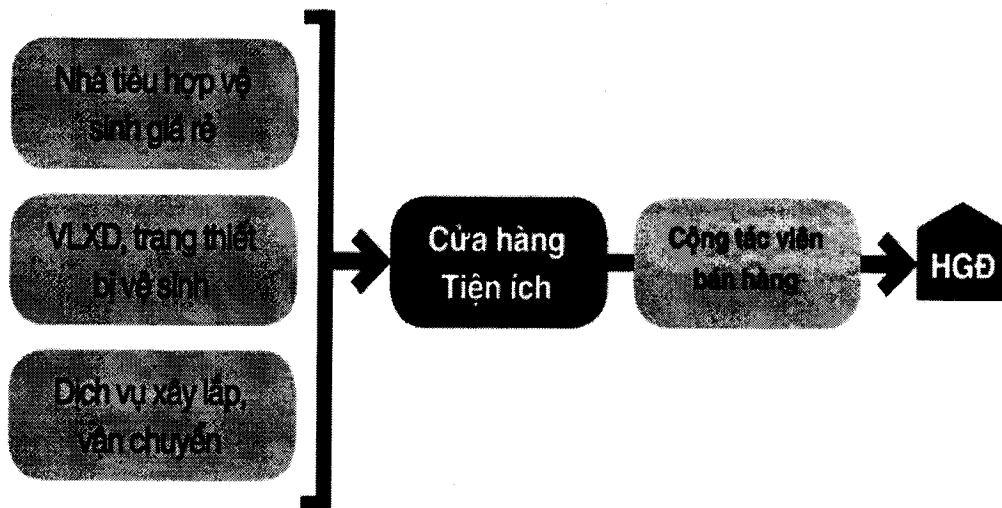
- Cửa hàng tiện ích- cung cấp dịch vụ trọn gói được sử dụng đối với vùng có thị trường mua bán vật liệu và trang thiết bị vệ sinh.

- Dịch vụ từng phần được sử dụng đối với những vùng chưa có thị trường mua bán vật liệu sẽ áp dụng mô hình dịch vụ tại chỗ thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng.

##### **b. Mô hình cửa hàng tiện ích**

- *Cửa hàng tiện ích* là một mô hình cửa hàng bán lẻ mà tại đó các khách hàng có thể mua tất cả các vật liệu và trang thiết bị cần thiết để xây một nhà tiêu hợp vệ sinh hoàn chỉnh. Các cửa hàng này có thể cung cấp các dịch vụ khác nhau như dịch vụ xây dựng, vận chuyển, tư vấn cho hộ gia đình về loại nhà tiêu phù hợp, cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu, hỗ trợ tài chính hoặc bảo hành sản phẩm để người dân chọn được loại hình phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của gia đình mình với mức giá chuẩn và chất lượng tốt. Người dân có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ của các CHTI tùy theo nhu cầu của gia đình mình.

- **Lựa chọn và thành lập Cửa hàng Tiện ích (CHTI).** Trung tâm KSBT sẽ hỗ trợ thành lập và tập huấn các CHTI, mạng lưới tiếp thị và phân phối của cửa hàng bằng cách tuyên truyền về mô hình kinh doanh này;



- **Đào tạo đội ngũ thợ xây.** CHTI cần thành lập mạng lưới thợ xây để có thể cung cấp trọn gói sản phẩm nhà tiêu đồng thời quản lý được chất lượng xây dựng của sản phẩm. Đội ngũ thợ xây này sẽ được tham gia vào lớp tập huấn về kỹ thuật xây dựng, cách sử dụng và bảo quản các loại nhà tiêu hợp vệ sinh.

- **Lập mạng lưới Cộng tác viên bán hàng (CTV).** bao gồm lựa chọn các ứng cử viên làm CTV, tập huấn cho họ cách xây dựng mạng lưới tiếp thị của mình để họ có thể tiếp tục mở rộng hoạt động sau khi chương trình vệ sinh ngừng hỗ trợ. CTV là cầu nối giữa bên bán (CHTI) và bên mua (hộ gia đình), cung cấp dịch vụ xây nhà tiêu đáp ứng với nhu cầu của khách hàng. CTV có thể là cán bộ y tế thôn bản, cán bộ phụ nữ, thôn bản, v.v..

- **Kết nối nhóm Gom vốn quay vòng (GVQV) và CHTI.** Đây là hoạt động tuyên truyền, vận động các thành viên trong nhóm GVQV tham gia sử dụng vốn quay vòng của nhóm vào mục đích xây nhà tiêu hợp vệ sinh thông qua dịch vụ được cung cấp của cửa hàng tiện ích do các Cộng tác viên bán hàng; Hội phụ nữ xã, thôn và những người đang điều hành và quản lý nhóm GVQV thực hiện. Tiến trình thực hiện qua các bước: Chuẩn bị các thông tin từ CHTI như khả năng hỗ trợ tài chính, Tỷ lệ lãi suất, Chính sách giảm giá; Giải thích về mô hình nhóm GVQV xây nhà tiêu hợp vệ sinh; Trả lời các thắc mắc của thành viên nhóm GVQV; Hẹn thăm các hộ có nhu cầu tham gia; Thăm hộ có nhu cầu tham gia nhóm GVQV; Thống nhất về việc mua nhà tiêu; Hoàn tất thủ tục mua nhà tiêu theo nhóm; Nhận tiền quỹ của nhóm GVQV thanh toán với CHTI, Mở rộng quy mô nhóm.

*c. Mô hình dịch vụ từng phần đối với nơi thị trường chưa phát triển.*

Thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng bao gồm các hoạt động như: (i) Thợ xây đúc ống bi và lắp đặt ống bi, tấm nanh bê tông hoặc xây dựng tại hộ gia đình. (ii) Cho thuê/ mượn khuôn đổ ống bi; (iii) Cửa hàng bán lẻ kiêm lắp đặt dụng cụ, thiết bị nhà tiêu; (iv) Mô hình cửa hàng bán lẻ kiêm việc sản xuất phụ kiện, tấm nanh bê tông và lắp đặt nhà tiêu quy mô trung bình; (v) Mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ đúc ống bi và lắp đặt nhà tiêu tại chỗ- quy mô nhỏ. Mô hình này còn bao gồm các dịch vụ tư vấn kỹ thuật nhà tiêu của cán bộ y tế, thợ xây, dịch vụ hỗ trợ tài chính, vận chuyển, dịch vụ hút, thông tắc bể phốt....

#### **4.2.4. Các hoạt động truyền thông trong trường học**

Các hoạt động truyền thông trong trường học nhằm mục đích giúp học sinh nắm được những kiến thức cơ bản và thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng đúng cách và thường xuyên), sử dụng và bảo quản đúng cách các công trình nước và vệ sinh trong trường học thông qua các hoạt động truyền thông phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học.

##### **Hoạt động cấp tỉnh/ huyện**

- Hội nghị triển khai, phổ biến chương trình vệ sinh và truyền thông thay đổi hành vi trong trường học về rửa tay bằng xà phòng và sử dụng/ bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh cho Sở/ Phòng GD&ĐT, Ban giám hiệu các trường học trên địa bàn chương trình.

- Tập huấn TOT cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ban giám hiệu các trường học (2 ngày) về các nội dung liên quan trong chương trình vệ sinh và nước sạch, định hướng và phương pháp truyền thông sẽ triển khai tại các trường học.

- In ấn tài liệu truyền thông cho trường học như áp phích, băng video clip và các tài liệu hướng dẫn thực hiện (do chương trình cung cấp) cho giáo viên.

##### **Cấp trường:**

- Tập huấn, nâng cao năng lực cho giáo viên về các nội dung liên quan trong chương trình vệ sinh và nước sạch, phương pháp truyền thông thay đổi hành vi sẽ áp dụng trong trường học.

- Hội nghị/ Họp về lập kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động truyền thông về vệ sinh trong trường học cho các giáo viên của trường.

- Triển khai các hoạt động **truyền thông lồng ghép** trong trường học: tuyên truyền trong lễ chào cờ, giờ sinh hoạt lớp và qua hoạt động của đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tại tất cả các cấp học.

- Triển khai các **hoạt động ngoại khóa** về vệ sinh môi trường (trong đó chú ý nội dung rửa tay bằng xà phòng và sử dụng – bảo quản nhà vệ sinh trường học) như Hội thi tìm hiểu, thi vẽ tranh, biểu diễn văn nghệ... cho học sinh các trường mầm non và tiểu học.

- Giám sát việc thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trong trường học.

## 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh là Cơ quan chủ quản thành phần, chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, phân giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

### 5.1. Thành lập Ban Điều hành Hợp phần vệ sinh

- Thành lập Ban Điều hành Hợp phần vệ sinh cấp tỉnh bao gồm: Lãnh đạo UBND tỉnh làm Trưởng ban; Lãnh đạo Sở Y tế làm Phó Trưởng ban, Lãnh đạo Trung tâm KSBT Phó Trưởng ban thường trực, Lãnh đạo Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Ủy viên, Lãnh đạo Hội LHPN tỉnh; Ngân hàng chính sách xã hội; Hội Nông dân; Đoàn thanh niên và đại diện các ban, ngành đoàn thể có liên quan khác.

- Tại huyện thành lập Ban Điều hành triển khai Hợp phần vệ sinh cấp huyện với các thành phần như sau: Lãnh đạo UBND huyện là Trưởng ban, Lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện làm Phó ban, các thành viên là đại diện Hội LHPN huyện; Ngân hàng chính sách xã hội, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên và đại diện các ban, ngành đoàn thể có liên quan khác.

- Tại xã thành lập Ban Điều hành triển khai hợp vệ sinh cấp xã bao gồm Lãnh đạo UBND xã là Trưởng ban, Trạm trưởng Trạm y tế xã làm Phó ban, các thành viên là đại diện Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân và đại diện các đoàn thể có liên quan khác.

- Tại thôn thành lập Ban vận động: có các Ban, Ngành đoàn đoàn thể thôn tham ra, trong đó Trưởng thôn làm Trưởng Ban vận động

### 5.2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị

#### 5.2.1. Tuyến tỉnh:

##### 5.2.1.1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Cơ quan chủ quản thành phần, chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, phân giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Phê duyệt Kế hoạch truyền thông vệ sinh thuộc Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2016 của tỉnh;

- Bố trí kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch truyền thông của tỉnh từ nguồn kinh phí Trung ương đã giao, từ ngân sách của địa phương và tổ chức huy động các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện;

- Chỉ đạo các Sở, ban ngành liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch truyền thông theo lĩnh vực được phân công như sau:

##### 5.2.1.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan điều phối Chương trình ở cấp tỉnh, chịu trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch truyền thông của tỉnh;

##### 5.2.1.3. Sở Y tế.

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình NSVSMTNT tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động thúc đẩy vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh. Sở Y tế tỉnh có nhiệm vụ:

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Điều hành Hợp phần vệ sinh thuộc trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Xây dựng và trình UBND ban hành cơ chế phối hợp giữa các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh về việc triển khai thực hiện Hợp phần vệ sinh giai đoạn 2016 - 2020.

- Xây dựng và ban hành văn bản triển khai việc kiện toàn hệ thống tổ chức của ngành y tế tham gia thực hiện hợp phần vệ sinh.

- Chỉ đạo Trung tâm KSBT làm đầu mối để chỉ đạo, hướng dẫn các TTYT tuyến huyện, Trạm Y tế xã, huy động hệ thống cán bộ y tế thôn bản, phụ nữ tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình.

- Kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hợp phần vệ sinh cho Bộ Y tế.

#### *5.2.1.4. Sở Giáo dục và Đào tạo:*

Chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức và thực hiện các hoạt động về vệ sinh ở trường học; Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm KSBT để hoàn thiện bản kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của tỉnh (gồm kế hoạch của ngành y tế và ngành giáo dục) để gửi sang Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

#### *5.2.1.5. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật:*

- Đóng vai trò đơn vị đầu mối thực hiện Hợp phần vệ sinh thuộc Chương trình, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch phân bổ vốn vệ sinh và dự toán kinh phí báo cáo Sở Y tế để tổng hợp.

- Tổ chức thực hiện triển khai các Kế hoạch đã được phê duyệt: Tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực và các hoạt động truyền thông; triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát, báo cáo đánh giá của Chương trình báo cáo Sở Y tế và Ban Chỉ đạo.

- Lựa chọn, thiết kế các loại hình nhà tiêu phù hợp với địa phương và tổ chức xây dựng, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công trình nhà tiêu HVS hộ gia đình và trạm y tế xã

- Phối hợp với Sở ban ngành có liên quan để triển khai các hoạt động truyền thông trên địa bàn tỉnh.

#### *5.2.1.6. Các tổ chức liên quan.*

Các tổ chức liên quan trong thực hiện kế hoạch BCC các cấp bao gồm Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam, các tổ chức tín dụng, NHCSXH và khu vực tư nhân như các nhà sản xuất, cung cấp, các cửa hàng tiện ích, thợ xây...

### **5.2.2. Tuyển huyện:**

#### *5.2.2.1. Ủy ban nhân dân huyện*

Chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban của huyện và Ủy ban nhân dân các xã, trạm y tế, trường học phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan triển khai thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, VSMT, vệ sinh cá nhân trên địa bàn.

### 5.2.2.2. Trung tâm Y tế huyện:

- Là đầu mối, phối hợp với các ban ngành của huyện tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động thúc đẩy vệ sinh nông thôn trên địa bàn huyện. Trung tâm Y tế huyện có nhiệm vụ:

- Tổ chức chỉ đạo, triển khai các hoạt động tăng tỷ lệ nhà tiêu HVS hộ gia đình và trạm y tế xã trên địa bàn huyện.

- Xác định nhu cầu nhà vệ sinh hộ gia đình và trạm y tế.

- Chủ động lập kế hoạch hoạt động, kế hoạch phân bổ vốn vệ sinh và dự toán kinh phí báo cáo Trung tâm KSBT để tổng hợp.

- Tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch hoạt động và vốn được phê duyệt.

- Kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hợp phần vệ sinh cho Trung tâm KSBT và UBND huyện.

- Phổ biến các loại hình, thiết kế, giá cả các loại hình nhà tiêu phù hợp với địa bàn huyện.

- Tổ chức xây dựng, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công trình nhà tiêu HVS hộ gia đình và trạm y tế xã.

- Hướng dẫn và tập huấn kỹ thuật xây nhà tiêu cho tuyến xã và các đội thợ xây.

- Triển khai các hoạt động truyền thông trên địa bàn huyện.

- Kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hợp phần vệ sinh.

### 5.2.3. Tuyển xã:

Trạm y tế xã là đầu mối triển khai các hoạt động dự án vệ sinh nông thôn trên địa bàn xã, cụ thể là:

- Hướng dẫn các thôn, bản xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thành công kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn.

- Giới thiệu, phổ biến các loại hình nhà tiêu HVS phù hợp và giá cả cho người dân tại địa phương.

- Tổ chức mạng lưới truyền thông viên tại xã phục vụ cho các hoạt động của dự án vệ sinh nông thôn, thành phần bao gồm trưởng thôn, cán bộ y tế thôn, cán bộ hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, hội cựu chiến binh...

- Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, vận động người dân trong địa bàn xã tự xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà tiêu HVS hộ gia đình.

- Tổ chức, thành lập các đội thợ xây cung cấp dịch vụ xây nhà tiêu. Tổ chức triển khai xây dựng mới và sửa chữa các nhà tiêu theo đúng kỹ thuật tại các hộ gia đình và trạm y tế xã.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát kỹ thuật, nghiệm thu các công trình vệ sinh đã được xây dựng và sửa chữa.

- Tổ chức lựa chọn các hộ gia đình thuộc nhóm đối tượng ưu tiên hỗ trợ của dự án trình UBND xã phê duyệt.

- Báo cáo kết quả hoạt động cho UBND UBND xã và Ban điều hành huyện.



## 6. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHO GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

### 6.1. Đối với hoạt động truyền thông vệ sinh tại cộng đồng do ngành y tế thực hiện:

STT	Cấp/hoạt động	Số tiền (VNĐ)	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghi chú
1	Cấp tỉnh	2.903.090.000	2.903.090.000		<i>nguồn kinh phí địa phương hiện tại chưa có</i>
2	Cấp huyện	3.024.170.000	3.024.170.000		
3	Cấp xã	5.973.720.000	5.973.720.000		
4	Dự phòng	11.020.000	11.020.000		
	<b>Tổng</b>	<b>11.912.000.000</b>	<b>11.912.000.000</b>		

### 6.2. Đối với hoạt động truyền thông vệ sinh tại Trường học do ngành giáo dục thực hiện:

STT	Cấp/hoạt động	Số tiền	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghi chú
1	Cấp tỉnh	6.000.000	6.000.000		
2	Cấp huyện	66.430.000	66.430.000		
3	Cấp xã	624.550.000	624.550.000		
	<b>Tổng</b>	<b>696.980.000</b>	<b>696.980.000</b>		

## 7. KHUNG HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI

### 7.1 Một số nội dung triển khai cấp tỉnh:

1. Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn (cấp tỉnh, cấp huyện)

2. Xây dựng kế hoạch triển khai và giám sát thực hiện chương trình bao gồm cả văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan.

3. Tập huấn TOT cho các cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá.....

4. Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình và báo) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông, (iii) Viết và đăng các bài trên báo/tạp san.

5. Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lực chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường.....

6. Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước, ngày thế giới rửa tay với xà phòng, ngày nhà tiêu thế giới (ít nhất 1 năm/1 lần)

7 Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện: giám sát, đánh giá.

8. Tổ chức các chuyến tham quan/chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương (xã với xã, huyện với huyện, tỉnh với tỉnh).

9 Tổ chức giao ban/họp định kỳ ít nhất 3 tháng/1 lần

10. Kiểm tra và xét nghiệm chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường học và trạm y tế

11. Phối hợp với Đơn vị kiểm đếm để xác nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã”

12. In ấn và phân phối tài liệu truyền thông theo hướng dẫn của Cục QLMTYT bao gồm sao chép tài liệu nghe nhìn (băng đĩa) và tài liệu truyền thông trực tiếp catalogue sản phẩm, poster, tờ rơi truyền thông, sổ tay hướng dẫn triển khai Chương trình tại các cấp, ...

13 Tổ chức xã đạt VSTX.

14 Hỗ trợ huyện và xã giám sát để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.

15. Hội thảo tổng kết cuối năm,

## **7.2 Một số nội dung hoạt động cấp huyện:**

1 Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn.

2 Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan.

3 Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông.

4 Phối hợp với tỉnh để tổ chức các sự kiện truyền thông vận động cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước, ngày thế giới rửa tay với xà phòng, ngày nhà tiêu thế giới.

5 Hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động phát triển thị trường: lực chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường.....

6 Tập huấn cho cửa hàng tiện ích, thợ xây và cộng tác viên bán hàng.

7 Tập huấn cho cán bộ xã và tuyên truyền viên.

8 Phối hợp với Đoàn kiểm đếm công nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã.

9 Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện: giám sát, đánh giá.

10 Tổ chức giao ban/họp định kỳ ít nhất 3 tháng/1 lần, báo cáo, giám sát định kỳ (có thể tổ chức theo cụm huyện).

11 Hội thảo tổng kết cuối năm.

12 Hỗ trợ tỉnh trong kiểm tra và giám sát chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường học và trạm y tế.

13 Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.

### **7.3 Một số nội dung hoạt động cấp xã:**

1. Xây dựng văn bản cam kết của lãnh đạo xã thực hiện chương trình đạt vệ sinh toàn xã

2. Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh nông thôn

3. Lập kế hoạch triển khai và giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn

4. Tổ chức các sự kiện truyền thông về vệ sinh như lễ phát động, ngày hội vệ sinh đầy mạnh phong trào thi đua thúc đẩy vệ sinh giữa các thôn (1 lần/năm).

5. Lắp đặt các cụm pano, áp phích truyền thôn, vẽ tranh tường về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường tại các trạm y tế xã, trường học và nơi công cộng.

6. Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã

7. Hỗ trợ huyện lựa chọn cộng tác viên bán hàng, cửa hàng tiện ích và thợ xây

8. Hỗ trợ tổ chức hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học

9. Giám sát, hỗ trợ hoạt động ở thôn, báo cáo định kỳ

10. Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập công nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã”

11. Họp giao ban và Báo cáo định kỳ

12. Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.

13. Tổ chức kích hoạt cho những địa bàn phù hợp nếu cần thiết.

### **7.4 Một số nội dung hoạt động cấp xã:**

1. Lập bản đồ vệ sinh thôn/bản

2. Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 2 lần/thôn)

3. Họp lồng ghép vào các cuộc họp thôn định kỳ/các cuộc họp của ban ngành/đoàn thể (HPN, đoàn thanh niên....) để duy trì và tiếp tục thúc đẩy xây và sử dụng nhà tiêu HVS

4. Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh

5. Phối hợp với Cộng tác viên bán hàng để giới thiệu về dịch vụ xây nhà tiêu của cửa hàng tiện ích

6. Phát thông điệp trên loa/đài

7. Tham gia họp giao ban, báo cáo định kỳ của xã

8. Tham gia các hoạt động của xã

9. Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập và xác nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã”

11. Họp giao ban và Báo cáo định kỳ

12. Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.

13. Tổ chức kích hoạt cho những địa bàn phù hợp nếu cần thiết.

### **7.5. Một số nội dung hoạt động cấp thôn:**

1. Lập bản đồ vệ sinh thôn/bản
2. Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 2 lần/thôn)
3. Họp lồng ghép vào các cuộc họp thôn định kỳ/các cuộc họp của ban ngành/đoàn thể (HPN, đoàn thanh niên....) để duy trì và tiếp tục thúc đẩy xây và sử dụng nhà tiêu HVS
4. Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh
5. Phối hợp với Cộng tác viên bán hàng để giới thiệu về dịch vụ xây nhà tiêu của cửa hàng tiện ích
6. Phát thông điệp trên loa/đài
7. Tham gia họp giao ban, báo cáo định kỳ của xã
8. Tham gia các hoạt động của xã
9. Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập và xác nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã”
9. Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.

### **7.6 Một số nội dung hoạt động cấp Trường học:**

#### **Hoạt động cấp tỉnh/ huyện**

1. Hội nghị triển khai, phổ biến chương trình vệ sinh và truyền thông thay đổi hành vi trong trường học
2. Tập huấn TOT về các nội dung liên quan trong chương trình và phương pháp truyền thông sẽ triển khai tại các trường học
3. In ấn tài liệu truyền thông cho trường học

#### **Cấp trường:**

1. Tập huấn, nâng cao năng lực cho giáo viên
2. Hội nghị/ Họp về lập kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động truyền thông
3. Triển khai các hoạt động truyền thông lồng ghép trong trường học
4. Triển khai các hoạt động ngoại khóa về vệ sinh cho học sinh các trường mầm non và tiểu học.
5. Giám sát việc thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trong trường học.

## **PHẦN II: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRUYỀN THÔNG NĂM 2017**

### **1. Các hoạt động (Phụ lục 1 đính kèm).**

### **2. Kinh phí hoạt động**

**Tổng kinh phí thực hiện năm 2017: 9.238.437.000VNĐ (cả ngành y tế và giáo dục)**

*(Chín tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng./.)*

Trong đó: - Vốn trung ương 8.465.875.000đ

- Địa phương: 772.580.000đ.

Bảng tổng hợp theo ngành:

STT	Cấp/hoạt động	Số tiền (VNĐ)	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Ngành y tế:</b>	<b>8.974.062.000</b>	<b>8.174.482.000</b>	<b>772.580.000</b>	
	- Hợp phần: 2	4.273.875.000	4.273.875.000		
	- Hợp phần: 3	4.673.187.000	3.900.607.000	772.580.000	
<b>2</b>	<b>Ngành giáo dục</b>	<b>291.375.000</b>	<b>291.375.000</b>		
	Hợp phần 3	291.375.000	291.375.000		
	<b>Tổng</b>	<b>9.238.473.000</b>	<b>8.465.857.000</b>	<b>772.580.000</b>	

(Dự toán chi tiết Phụ lục 2 và 3)

Trên đây là kế hoạch truyền thông triển khai Chương trình Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả giai đoạn năm 2016 - 2020 và năm 2017 của ngành Y tế và Giáo dục tỉnh Bắc Giang, đề nghị BCĐ Chương trình của tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí thực hiện kế hoạch. Yêu cầu các đơn vị được phân công tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình đạt kết quả tốt./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Cục Quản lý môi trường Y tế - Bộ Y tế;
- Các sở: NN và PTNT, GD và ĐT, KH và Đầu tư; Tài chính;
- TTNSH & VSMTNT;
- Trung tâm KSBT;
- Lưu: VT, KHTC.

**Bản điện tử:**

- Giám đốc Sở Y tế;
- Phòng Nghiệp vụ Y
- TTYT huyện: Yên Thế, Hiệp Hòa.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hàn Thị Hồng Thúy**

**Phụ lục 1:**

**PHẦN II: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRUYỀN THÔNG NĂM 2017**

(Kèm theo kế hoạch số 63 /KH-SYT ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang)

**A. KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG THỨC ĐÀY VỆ SINH CỘNG ĐỒNG DO NGÀNH Y TẾ THỰC HIỆN (Hợp phần 3)**

**I. KẾ HOẠCH CẤP TỈNH**

**1. Địa bàn can thiệp**

STT	Huyện	Số xã/thị trấn/cấp xã	Số hộ dân vệ sinh (trần/sàn)	Số thôn/trang (tổng số sinh nhân số)	Số hộ được hưởng lợi	Số dân được hưởng lợi	Đánh giá chi phí
1	Hiệp Hòa	9	9	83	18748	80623	3,900,607,000đ
2	Yên Thế	12	12	125	13.239	58.546	

**Các hoạt động truyền thông cấp tỉnh**

STT	Nội dung hoạt động	Số lớp	Thời gian Dự kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí
				Trên địa bàn	Phối hợp	
	<b>Hoạt động cho 21 xã VSTX năm 2017</b>					<b>718.092.000</b>
1	Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn		5/2017	TTKSBT	Các ban ngành	21.300.000
2	Tập huấn TOT cho các cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá (khi có bộ tài liệu TT mới)	1 lớp cho cả tỉnh	5/2017	TTKSBT	Cục QLMTYT	93.450.000

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian Đợt kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
3	Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lực chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường.....	17 CHTI / 17 xã	5-6/ 2017	TTKSBT	TTYT huyện	23.940.000
4	Hội nghị tham quan chia sẻ kinh nghiệm trong tỉnh gồm	1 cuộc	2017	TTKSBT	TTYT huyện, Trạm YT xã	Đội vốn đối ứng
5	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình và báo) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng bản tin truyền thông, (iii) Viết và đăng các bài trên báo/tập san.	2 lần/ đài TH và 2 lần/ báo	3, 10/2017	TTKSBT	Huyện, YT huyện, xã	11.000.000
6	Hỗ trợ giám sát đánh giá nghiệm thu XD NT hộ nghèo, cận nghèo, GD chính sách được trả thưởng và hộ lan tỏa	135 xã/ 6 huyện	hàng tháng	TTKSBT	TTYT huyện, Trạm YT xã	49.060.000
7	Hội nghị giao ban tuyến tỉnh, báo cáo, giám sát định kỳ: 02 cuộc/năm	2 lần/ năm	6, 11/ 2017	TTKSBT	Các ban ngành	6.650.000
8	Kiểm tra và xét nghiệm chất lượng nước cho Trạm y tế và trường học	21 xã	6,11 /2017	TTKSBT	TTYT huyện	223.272.000
9	Kiểm đếm, xác nhận xã đạt vệ sinh toàn xã. Dự kiến (1 người* 6 ngày/xã * 21 xã)	21 xã	10- 12/2017	Đơn vị kiểm đếm	TTksbt	36.960.000

STT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện		Kinh phí
				Huyện	Xã	
10	Sản xuất tài liệu truyền thông (pano, băng đĩa, poster, sổ tay, tờ rơi)	(21 pano, 480 băng đĩa, 599 poster, 237 sổ tay, 7400 tờ rơi)	4/2017	TTKSBT	Cục QLMTYT, Đài TH, Báo Bắc Giang	224.910.000
11	Hội nghị tổng kết năm trước và triển khai kế hoạch năm 2018 (01 cuộc/năm)	1 cuộc	12/2017	TTKSBT	Các ban ngành	23.550.000
12	Chi khác: In photo mẫu biểu báo cáo, sổ quản lý công trình vệ sinh, biểu mẫu quyết toán		Trong năm	TTKSBT	TTYT huyện, TYT xã	4.000.000

*Lưu ý: - Kinh phí cho từng hoạt động trên dựa trên dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động. Một số hoạt động có thể lồng ghép và không cần kinh phí*



## II. KẾ HOẠCH CẤP HUYỆN ( Hiệp Hòa, Yên Thế)

### 1. Các xã đăng ký đạt VSTX trong năm 2017

TT	Tên xã thực hiện can thiệp	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm (%)	Mục tiêu % nhà tiêu HVS cuối năm
	<b>Huyện Hiệp Hòa</b>					
1	Đại Thành	4	927	4073	69,58%	> 70%
2	Hợp Thịnh	6	2467	12548	70,0%	>70%
3	Hương Lâm	8	2674	9961	56.81%	70%
4	Danh thắng	13	2716	9150	40,71%	70%
5	Thường Thắng	13	2145	8998	54.83%	70%
6	Châu Minh	5	2122	10972	53.63%	70%
7	Ngọc Sơn	7	2457	7427	63.65%	70%
8	Hoàng Thanh	17	1336	5218	69.84%	70%
9	Mai Đình	10	2534	12282	64.56%	70%

TT	Tên xã thực hiện can thiệp	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm (%)	Mục tiêu % nhà tiêu HVS cuối năm
	<b>Huyện Yên Thế</b>					
10	An Thượng	10	1,283	4,623	53.31%	70%
11	Đồng tiến	8	1,205	4,296	45.98%	70%
12	Đồng Vương	10	1,295	5,318	54.52%	70%
13	Tam Tiến	15	1,650	6,845	49.82%	70%
14	Tam hiệp	11	969	3,808	52.84%	70%
15	Hương vĩ	11	1,527	5,363	49.38%	70%
16	Tân sòi	10	1,308	4,403	51.45%	70%
17	Đồng Lạc	7	1,093	3,834	50.78%	70%
18	Tân Hiệp	11	1,245	4,055	44.10%	70%
19	Canh nậu	15	1,664	6,613	56.73%	70%
20	Tiến Thắng	9	1,231	4,331	70%	>70%
21	Phồn Xương	8	1,231	4,331	70%	>70%

## 2. Các hoạt động truyền thông

STT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian	Nguồn hùn vốn		Kế hoạch
				Đơn vị	Thời hạn	
<b>A</b>	<b>Hoạt động cho 21 xã VSTX năm 2017</b>					<b>906420000</b>
1	Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: Tầm quan trọng của vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn	02( mỗi huyện 01 hội nghị	5/2017	TTYT	Các ban ngành	49.820.000
2	Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng "Ngày nhà tiêu thế giới"	02 cuộc	7-10/2017	TTYT huyện	TTKSBT; TTGDĐT	64.100.000
3	Hướng dẫn, hỗ trợ lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh	17 CHTI / 17 xã	5-6/2017	TTYT huyện	TTKSBT	5.460.000
4	Tổ chức tập huấn cho CTV bán hàng và CHTI về tiếp thị vệ sinh: 2 ngày/ lớp x 6 lớp	6lớp	6-7/2017/2017	TTKSBT	TTYT huyện, TYT xã	117020000
5	Tổ chức tập huấn cho thợ xây và CHTI về tiêu chuẩn xây dựng nhà tiêu HVS: 2 ngày/ lớp x 8 lớp	8 lớp	6-7/2017	TTKSBT	TTYT huyện	141240000
6	Tập huấn cho cán bộ xã về kiến thức và kỹ năng truyền thông về nhà tiêu HVS ( 02 ngày/lớp* 20 lớp):	20 lớp	6-7/2017	TTKSBT	TTYT huyện	377020000
7	Tập huấn cho cán bộ xã về công tác đánh giá, nghiệm thu, thanh quyết toán 7400 nhà tiêu HVS được trả thưởng ( 01 ngày/lớp* 6 lớp/6 huyện)	6 lớp/ 6 huyện	6-9 /2017	TTKSBT	TTYT huyện	Đội có đối ứng

STT	Nội dung công việc	Số lần	Thời gian	Đơn vị thực hiện		Kinh phí
				Hội đồng	Hội học	
8	Phát thông điệp trên loa truyền thanh: Thực hiện tại 2 huyện	96 lần phát	Trong năm	TTYT huyện, TYT xã	TTKSBT	900.000
9	Kiểm đếm, xác nhận xã đạt vệ sinh toàn xã (1 người/ 6 ngày/xã * 21 xã)	21 xã	10-12/2017	TTYT huyện	TTKSBT	6.240.000
10	Hỗ trợ giám sát , đôn đốc, đánh giá nghiệm thu XD NT hộ nghèo, cận nghèo, GD chính sách được trả thưởng và hộ lan tỏa, thực hiện tại 135 xã/6 huyện tham gia chương trình	135 xã/ 6 huyện	6-11/2017	TTYT huyện, TYT xã	TTKSBT	57.980.000
11	Hội nghị giao ban tuyến huyện giám sát, báo cáo định kỳ 02 lượt/huyện		6-11/ 2017	TTYT huyện	TTKSBT	28.820.000
12	Hội nghị tổng kết	02 hội nghị/ 2 huyện	12/2017	TTYT huyện, TYT xã	TTKSBT	49.820.000
13	Chi khác		Trong năm	TTYT huyện, TYT xã		8.000.000

Lưu ý: - Kinh phí cho từng hoạt động trên cần được đưa vào trên cơ sở dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động. Một số hoạt động có thể lồng ghép và không cần kinh phí

### III. KẾ HOẠCH CẤP XÃ

**Xã:** Hợp Thịnh, Đại Thành, Hương Lâm, Danh Thắng, Thường Thắng, Châu Minh, Ngọc Sơn, Hoàng Thanh, Mai Đình - **Huyện:** Hiệp Hòa

**Xã:** Tiên Thắng, Phồn Xương, An Thượng, Đồng Tiến, Đồng Vương, Tam Tiên, Tam Hiệp, Hương Vỹ, Tân Sỏi, Đồng Lạc, Tân Hiệp, Canh Nậu - **Huyện:** Yên Thế.

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian Đã kiến	Người thực hiện		Kinh phí
				Đầu môn	Phó đầu	
<b>1. Hoạt động tại cấp xã</b>						
	<b>Hoạt động cho 21 xã VSTX năm 2017</b>					<b>1.448.125.000</b>
1	Hội nghị triển khai, giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn	21 xã	5/2017	Trạm Y tế	UBND xã	215.990.000
2	Hỗ trợ xây dựng chính sách bán hàng cho CHTI, lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường	17 CHTI/ 17 xã	3-5/2017	TTYT huyện	TTKSBT	2.940.000
3	Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước	21 sự kiện	10-12/2017	Trạm Y tế	UBND xã, TTYT huyện	421.050.000
4	Chi công lắp đặt pano, áp phích, vẽ tranh tường	21 pano, 63 tranh tường	năm 2017	Trạm Y tế	UBND xã, TTYT huyện	191.100.000
5	Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa truyền thanh xã ( thực hiện tại 21 xã)	408 lần phát	Trong năm	Trạm Y tế	UBND xã	14.175.000
6	Phối hợp với đoàn đánh giá độc lập công nhận xã đạt vệ sinh toàn xã: 02 người/ 06 ngày/xã * 21 xã	496 xã	11/2017	Trạm Y tế	UBND xã	8.820.000

STT	Nội dung công việc	Số lần	Thời gian thực hiện	Người thực hiện		Kinh phí
				Hạng mục	Đơn vị	
7	Hội nghị giao ban tuyến xã, báo cáo, giám sát định kỳ	42 cuộc	6-10/2017	Trạm YT	UBND xã, TTYT huyện	235.910.000
8	Hỗ trợ để giám sát hoạt động thay đổi hành vi, xã đạt VSTX	21 xã	Trong năm	Trạm Y tế	Trung tâm Truyền thông	29.400.000
9	Hỗ trợ giám sát, đánh giá nghiệm thu XD NT hộ nghèo, cận nghèo, GD chính sách được trả thưởng và hộ lan tỏa, thực hiện tại 135 xã/6 huyện tham gia chương trình:	135 xã/ 6 huyện	Trong năm	UBND	Trạm Y tế xã, TTYT	46.830.000
10	Hội nghị tổng kết và trao thưởng	21 cuộc/ 21 xã	12/2017	Trạm Y tế	UBND xã, TTYT huyện	239.910.000
11	Chi khác					42.000.000
<b>2. Hoạt động tại cấp thôn:</b>						
1	Làm bản đồ thôn	208 sơ đồ VS/208 thôn	6-7/2017	Thôn	Các ban ngành thôn, xã	166.400.000
2	Tổ chức hội nghị truyền thông (kích hoạt vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ (CLTS) tại các thôn (lập danh sách sau)	7 cuộc	6-8/2017	Xã	YTDP, TTYT huyện, xã	50.050.000
3	Họp dân tuyên truyền về vệ sinh (2 lần/thôn* 208 thôn)	416 cuộc họp	6-8/2017	Thôn	Các ban ngành thôn, xã	166.400.000
4	Họp lồng ghép với các cuộc họp khác	208 cuộc họp	6-10/2017	Thôn		41.600.000

5	Thăm hộ gia đình, các hộ chưa có nhà tiêu HVS để có kế hoạch vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.	208 thôn	Trong năm	Thôn	Các ban ngành thôn, xã	87.360.000
6	Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa truyền thanh thôn	4884 lần phát	Trong năm	Thôn	Các ban ngành thôn, xã	93.600.000
7	Hỗ trợ đoàn đánh giá độc lập	208 thôn	Theo KH	Thôn		14.560.000
8	Giám sát các hộ gia đình để đạt vệ sinh toàn xã trong năm 2017	208 thôn	8-11/2017	Thôn	Trung tâm KSBT, TTYT huyện, TYT	208.000.000

**\* Lưu ý:**

*Kinh phí cho từng hoạt động được đưa vào trên cơ sở dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động. Một số hoạt động có thể lồng ghép và không cần kinh phí.*

**B. KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG THỨC ĐẦY VỆ SINH TRONG TRƯỜNG HỌC DO NGÀNH GIÁO DỤC THỰC HIỆN NĂM 2017**

**1. Địa bàn can thiệp:**

TT	Huyện	Xã	Tên trường MN	Số học sinh MN	Tên trường tiểu học	Số học sinh TH	Tên trường THCS	Số học sinh THCS
1	Hiệp Hòa	Hương Lâm	- MN Hương Lâm 1 - MN Hương Lâm 2	789	- TH Hương Lâm 1 - TH Hương Lâm 2	1.111	Hương Lâm	780
2		Danh Thắng	- Danh Thắng	628	- Danh Thắng	714	Danh Thắng	529
3		Thường Thắng	MN Thường Thắng	703	TH Thường Thắng	769	Thường Thắng	419
4		Châu Minh	MN Châu Minh	678	TH Châu Minh	845	Châu Minh	570
5		Ngọc Sơn	MN Ngọc Sơn	647	TH Ngọc Sơn	841	Ngọc Sơn	495
6		Hoàng Thanh	MN Hoàng Thanh	367	TH Hoàng Thanh	412	Hoàng Thanh	184
7		Mai Đình	MN Mai Đình	599	TH Mai Đình	989	Mai Đình	616
8		Hợp Thịnh	Hợp Thịnh 1 Hợp Thịnh 2	337 365	Hợp Thịnh 1 Hợp Thịnh 2	672 286	Hợp Thịnh	650
9		Đại Thành	Đại Thành	303	Đại Thành	252	Đại Thành	173



TT	Huyện	Xã	Tên trường MN	Số học sinh MN	Tên trường tiểu học	Số học sinh TH	Tên trường THCS	Số học sinh THCS
10	Yên Thế	An Thượng	MN An Thượng	264	TH An Thượng	312	An Thượng	229
11		Tiến Thắng	Tiến Thắng	326	Tiến Thắng	361	Tiến Thắng	183
12		Phồn Xương	Phồn Xương	310	Phồn Xương	262	Phồn Xương	198
13		Đồng Tiến	MN Đồng Tiến	286	TH Đồng Tiến	302	Đồng Tiến	213
14		Đồng Vương	MN Đồng Vương	329	TH Đồng Vương	341	Đồng Vương	235
15		Tam Tiến	MN Tam Tiến	457	TH Tam Tiến	583	Tam Tiến	310
16		Tam Hiệp	MN Tam Hiệp	234	TH Tam Hiệp	289	Tam Hiệp	194
17		Hương Vỹ	MN Hương Vỹ	361	TH Hương Vỹ	418	Hương Vỹ	299
18		Tân Sỏi	MN Tân Sỏi	257	TH Tân Sỏi	365	Tân Sỏi	291
19		Đồng Lạc	MN Đồng Lạc	256	TH Đồng Lạc	230	Đồng Lạc	128
20		Tân Hiệp	MN Tân Hiệp	225	TH Tân Hiệp	267	Tân Hiệp	186
21		Canh Nậu	MN Canh Nậu	342	TH Canh Nậu	487	Canh Nậu	315

**2. Các hoạt động truyền thông: Tổng kinh phí: 291.375.000đ**

	NỘI DUNG	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
	<b>CẤP TỈNH, HUYỆN</b>					
1	Tổ chức hội nghị triển khai cho các trường học trong địa bàn các huyện đăng ký	2 Hội nghị	Q3/2017	Phòng GD&ĐT	Sở, các trường	10.744.000
2	Tổ chức tập huấn TOT cho cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, giám sát đánh giá 3 ngày khi có bộ tài liệu TT mới:(Sở GD: 2 người +2 người /Phòng giáo dục x 2 PGD )	1 lớp	Q2/2017	TTKSBT	Sở GD&ĐT	TTKSBT đặt ngân sách
3	Tập huấn cho BGH trường các trường về kiến thức và kỹ năng truyền thông về vệ sinh	2 lớp/ 2 huyện	6-7/2017	Phòng GD&ĐT	Trường	15.550.000
4	In ấn tài liệu truyền thông (tờ rơi/poster rửa tay bằng xà phòng; sử dụng nhà tiêu, pano...) và hướng dẫn sử dụng cho các trường học	70 pano, 70 sổ tay, 7000 tờ rơi/ poster	2-3/2017	Sở GD&ĐT	TTKSBT, Trường	79.800.000
5	Chi khác			Sở GD&ĐT		7.881.000
	<b>CỘNG</b>					<b>113.975.000</b>

	NỘI DUNG	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
	<b>CẤP TRƯỜNG</b>					
1	Hội nghị/ Họp triển khai thực hiện hoạt động truyền thông về vệ sinh môi trường trong trường học	70 Hội nghị	Q2/2017	Trường	Phòng GD&ĐT	42.700.000
2	Tập huấn về phương pháp thực hiện truyền thông về vệ sinh môi trường trong trường học cho giáo viên, tổng phụ trách đội, y tế trường học các trường (mầm non, tiểu học và THCS) (1 ngày)	70 lớp	Q2/2017	Trường	Phòng GD&ĐT	42.700.000
3	Triển khai các hoạt động truyền thông trong trường học: tuyên truyền trong lễ chào cờ, giờ ngoại khóa, qua hoạt động của đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh		6-12/2017	Trường	Phòng GD&ĐT	Trường tự lo kinh phí
4	Tổ chức hoạt động ngoại khóa về nội dung vệ sinh trong trường học (trường sẽ quyết định chọn các cuộc thi tìm hiểu, thi vẽ tranh hay biểu diễn văn nghệ phù hợp với điều kiện của trường...)	46 trường TH và THCS	6-12/2017	Trường	Phòng GD&ĐT	92.000.000
	<b>CỘNG</b>					<b>177.400.000</b>

*Lưu ý: - Kinh phí cho từng hoạt động được đưa vào trên cơ sở dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động.*

STT	Nội dung	Đơn vị đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (NSTW cấp phòng)	Chức vụ
10	<b>Hội nghị giao ban tuyển huyện giám sát, báo cáo định kỳ (01 lượt/ huyện*2 huyện) Đối tượng gồm: TTKSBT Tỉnh 1 người; (Ban chỉ đạo huyện 06 người) * 02 huyện; Ban chỉ đạo xã : 04 người/xã * 21 xã</b>				<b>28 820 000</b>	Tổng số người 1 lần giao ban 02 huyện: 98 người Tuyển tỉnh: 02 người Tuyển huyện: 12 người ; tuyển xã :84
	-Thuê hội trường, loa đài tổ chức hội nghị	Ngày	4	200 000	800 000	Chi thực tế
	- Tít chữ	Chiếc	4	350 000	1 400 000	
	- Bồi dưỡng báo cáo viên	Buổi	4	500 000	2 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	98	50 000	4 900 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	- Giải khát và báo cáo viên	Người	100	50 000	5 000 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Tiền ăn và tiêu vật của đại biểu và báo cáo viên	Ngày	104	130 000	13 520 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	- Chi hỗ trợ người tổ chức Hội nghị (5 người/uội nghị x 02 ngày/Hội nghị* 4 hội nghị)	Ngày	20	60 000	1 200 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
11	<b>Tổ chức hội nghị tổng kết chương trình vệ sinh: Đối tượng gồm: (TTKSBT: 3 người* 02 hội nghị) ; 6 người/huyện (1PCT huyện + TTYT 3 người + Phòng giáo dục và hội PN 2 người;) * 2 huyện; tuyển xã ( Phó CT xã + TYT 2 người + Trường học 03 người)* 21 xã; 02 người * 27 xã không tham gia chương trình)</b>				<b>49 820 000</b>	Tổng số : 198 người Tuyển tỉnh : 6 người Huyện : 12 người Tuyển xã : 126 người + 54 người ( thuộc xã không tham gia chương trình)
	-Thuê hội trường, loa đài tổ chức hội nghị	Ngày	2	1 000 000	2 000 000	Thực tế
	- Tít chữ	Tít	2	300 000	600 000	
	- Bồi dưỡng báo cáo viên	Buổi	2	300 000	600 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	198	50 000	9 900 000	Đ 4 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Giải khát	Người	200	50 000	10 000 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	-Hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật cho đại biểu, báo cáo viên	Người	200	130 000	26 000 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (NSFW cấp phát)	Chương trình
	-Giải khát cho đại biểu	Người	1 538	50 000	76 900 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	-Hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật cho đại biểu và giảng viên	Người	1 538	130 000	199 940 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	-Tiền đi lại cho giảng viên tuyến tỉnh: 02 người ( TB 70Km/ người/ lượt/40 lượt*1000đ/km)	Km	5 600	1 000	5 600 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
7	<b>Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa truyền thanh ( thực hiện tại 02 huyện)</b>				<b>900 000</b>	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
	- Chi hỗ trợ người biên tập tài liệu truyền thanh ( 350 từ/ trang/bài )1 bài/quý/huyện x 02 quý x 02 huyện	Bài	4	75 000	300 000	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
	- Chi hỗ trợ người phát thanh: 04 lượt/bài/huyện/ tháng x 05 tháng x 02 huyện	Lần	40	15 000	600 000	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
8	<b>Tổ chức kiểm tra và phối hợp các xã kiểm đếm, xác nhận xã đạt vệ sinh toàn xã( 1 người/8ngày/xã * 21 xã)</b>				<b>6 240 000</b>	
	- Xăng xe đi lại cho CB huyện đến xã (Trung bình quãng đường cách 30 km/xã/người*1000đ/km* 48 ngày)	Km	1 440	1 000	1 440 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
	- Hỗ trợ công tác phí	Ngày	48	100 000	4 800 000	K3,Đ6 TT 219/2009/TT-BTC
9	<b>Hỗ trợ giám sát , đôn đốc, đánh giá nghiệm thu XD NT hộ nghèo, cận nghèo, GD chính sách được trả thưởng và hộ lan tỏa, thực hiện tại 135 xã năm 2017 và 88 xã năm 2016 /6 huyện tham gia chương trình:</b>	405			<b>57 980 000</b>	02ngày/xã * 135 xã + 88 xã đã nghiệm thu năm 2016: = 223 xã
	- Xăng xe đi lại cho CB huyện đến xã (Trung bình quãng đường cách 30 km/xã/người*1000đ/km* 2 ngày/ xã *223 xã)	Km	13 380	1 000	13 380 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
	-Hỗ trợ công tác phí ( 02 ngày/xã*223 xã)	Ngày	446	100 000	44 600 000	K3,Đ6 TT 219/2009/TT-BTC

S/HT	Nội dung	Đơn vị đơn	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng giá trị (NSƯT/chi phải)	Chi đầu
	-Thuê hội trường (02 ngày x 06 lớp)	Ngày	12	200 000	2 400 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	-Hỗ trợ tiền xăng xe cho giảng viên tuyến tỉnh: 02 người ( TB 70Km/ người/ lượt/12 lượt*1000đ/km)	Km	1 680	1 000	1 680 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
5	<b>Tổ chức tập huấn cho thợ xây và CHTI về tiêu chuẩn xây dựng nhà tiêu HVS: 2 ngày x 8 lớp</b> '- ( 1 CHTI/ xã * 21xã) + 1 thợ xây /thôn *208 thôn của 21xã ( 02 ngày/ lớp* 02 lớp)+ 01 cansTYT xã*21 xã				141 240 000	Tổng số: 250 người
	- Tít chữ	Tít	8	200 000	1 600 000	Chi thực tế
	- Tiền tài liệu	Quyển	250	20 000	5 000 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	- Giải khát	Người	532	50 000	26 600 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Giảng viên tuyến tỉnh (4 buổi/ lớp x 08 lớp)	Buổi	32	500 000	16 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Trợ giảng tuyến tỉnh (4 buổi/lớp x 08 lớp)	Buổi	32	350 000	11 200 000	
	- Tiền xăng xe đi lại cho giảng viên tuyến tỉnh: 02 người ( TB 70Km/ người/ lượt/16 lượt/người)	Km	2 240	1 000	2 240 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
	- Thuê hội trường (02 ngày x 08 lớp)	Ngày	16	200 000	3 200 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật cho đại biểu và giảng viên	Người	532	130 000	69 160 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	- Chi cấp giấy chứng nhận cho thợ xây	Người	208	30 000	6 240 000	Chi thực tế
6	<b>Tập huấn cho cán bộ xã về lập kế hoạch kiểm tra giám sát CT và CTV thôn bản kiến thức và kỹ năng truyền thông về nhà tiêu HVS ( 02 ngày/lớp* 20 lớp của 21 xã trong đó 02 lớp cho Ban chỉ đạo xã</b>		109		377 020 000	Tổng số: 729 người BCĐ 5 xã*21 xã: 105 người CTV03 người(trưởng thôn,phụ nữ, y tế)*208 thôn: 624 người
	-Bồi dưỡng giảng viên tuyến tỉnh (04 buổi/lớp x 20 lớp)	Buổi	80	500 000	40 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	-Trợ giảng tuyến tỉnh 04 buổi/lớp* 20 lớp	Buổi	80	350 000	28 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	-Tiền tài liệu,VPP cho học viên	Bộ	729	20 000	14 580 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	-Thuê hội trường ( 2 ngày/lớp x 20 lớp)	Ngày	40	200 000	8 000 000	Chi thực tế
	-Tít chữ	Tít	20	200 000	4 000 000	

SPT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (NSƯW cấp phát)	Chi chi
	- Mua và in mũ lưới trai ( 200 người / xã* 02 cuộc)	Chiếc	400	25 000	10 000 000	
	- Dụng cụ thực hành	Cuộc	2	500 000	1 000 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Quà tặng cho người tham gia (xà phòng thơm: 02 bánh/xuất)	Phần quà	800	15 000	12 000 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	Hỗ trợ hoạt động văn nghệ, tiểu phẩm, kịch (5 tiết mục/huyện)	Tiết mục	10	1 000 000	10 000 000	Chi thực tế
3	<b>Hướng dẫn, hỗ trợ lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh: (01 người/ 02 ngày/xã) * 21 xã</b> '- Khảo sát, lựa chọn CHTI tiềm năng: (1 người/1 ngày/1 xã); Tư vấn lập KHKD và xây dựng chính sách bán hàng cho CHTI 1 người/ngày/xã ;Hỗ trợ thúc đẩy hoạt động của CHTI và mạng lưới bán hàng 1 người/ngày/xã				5 460 000	
	Hỗ trợ công tác phí	Người	42	100 000	4 200 000	Đ6 TT số 219/2009/TT-BTC
	-Hỗ trợ tiền xăng xe cho cán bộ tự túc phương tiện đi lại : 02 ngày/xã*21 xã (Tính TB 30km/xã:/người*1000đ/km)	Km	1260	1 000	1 260 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
4	<b>Tổ chức tập huấn cho CTV bán hàng và CHTI về tiếp thị vệ sinh: 2 ngày/ lớp x 6lớp ( 1 CHTI/ xã * 21 xã) + (1CTVBH/1 thôn* 208 thôn của 21 xã)</b>				117 020 000	Tổng số: 229 người
	-Tít chữ	Tít	6	200 000	1 200 000	Chi thực tế
	-Tiền tài liệu	Quyển	229	20 000	4 580 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	-Giải khát cho đại biểu và giảng viên	Người	482	50 000	24 100 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	-Hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật cho đại biểu và giảng viên	Người	482	130 000	62 660 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	-Giảng viên tuyển tỉnh (4 buổi x 06 lớp)	Buổi	24	500 000	12 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	-Trợ giảng tuyển tỉnh (4 buổi x 06 lớp)	Buổi	24	350 000	8 400 000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Đơn giá tính (NSTW cấp tỉnh)	Chú thích
1	<b>Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: Tầm quan trọng của vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn. Đối tượng gồm: (TTKSBT: 3 người* 02 hội nghị) ; 6 người/huyện (IPCT huyện + TTYT 3 người + Phòng giáo dục và hội PN 2 người;)* 2 huyện; tuyến xã ( Phó CT xã + TYT 2 người + Trường học 03 người)* 21 xã; 02 người * 27 xã không tham gia chương trình)</b>				<b>49 820 000</b>	Tổng số : 198 người Tuyển tỉnh : 6 người Huyện : 12 người Tuyển xã : 126 người + 54 người ( thuộc xã không tham gia chương trình)
	-Thuê hội trường, loa đài tổ chức hội nghị	Ngày	2	1 000 000	2 000 000	Thực tế
	- Tít chữ	Tít	2	300 000	600 000	
	- Bồi dưỡng báo cáo viên	Buổi	2	300 000	600 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	198	50 000	9 900 000	Đ 4 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Giải khát	Người	200	50 000	10 000 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	-Hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật cho đại biểu, báo cáo viên	Người	200	130 000	26 000 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	- Chi hỗ trợ ban tổ chức Hội nghị ( 3 người x 02 ngày/Hội nghị * 02 hội nghị * 60.000đ/người/ngày )	Ngày	12	60 000	720 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
2	<b>Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng "Ngày nhà tiêu thế giới" ( 200 người/01 cuộc/huyện* 02 huyện)</b>				<b>64 100 000</b>	Tổ chức vào ngày " Nhà tiêu thế giới" 19/11 Thành phần:Lãnh đạo; ban ngành , đoàn thể của xã , thôn
	- Thuê dựng phòng chính, tăng âm, loa đài, bàn ghế	Lễ đài	2	3 500 000	7 000 000	Chi thực tế
	- Băng rôn khẩu hiệu 2 mặt lớn treo trên trục đường chính ( 4 chiếc/ cuộc x 02 cuộc)	Chiếc	8	400 000	3 200 000	
	-Giải khát ( 200 người/cuộc* 02 cuộc)	Người	400	50 000	20 000 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Chi hỗ trợ ban tổ chức lễ phát động (5 người x 3 ngày/ cuộc x 30.000đ/người/ngày )	Người	30	30 000	900 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC



S/TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Ước dự toán (NS/Ước cấp pháp)	Chỉ định
	-Tờ rơi	Tờ	7 400	3 000	22 200 000	
	Mô hình NTHVS (01bộ mô hình/huyện x 2 huyện)	Mô hình	2	1 500 000	3 000 000	
	Làm biển giới thiệu cửa hàng tiện ích	Chiếc	21	1 000 000	21 000 000	
10	<b>Hội nghị tổng kết năm trước và triển khai kế hoạch năm 2017 ( 01 cuộc/năm ):</b> Đối tượng gồm: mỗi huyện 6 người(1PCT huyện + TTYT 3 người + Phòng giáo dục 2 người)* 6 huyện; tuyển tỉnh 13 người(1 Phó CT tỉnh, 1 Chuyên viên UBND tỉnh, Sở Y tế 2 người; Sở Giáo dục 2 người; TTKSBT 7 người)				23 550 000	Tổng số : 49 người Tuyển huyện : 36 người /năm Tuyển tỉnh : 13 người / năm
	-Thuê hội trường, máy chiếu tổ chức hội nghị	Ngày	1	3 000 000	3 000 000	Chi thực tế
	- Tít chữ	Tít	1	500 000	500 000	Chi thực tế
	- Bồi dưỡng báo cáo viên ( biên soạn và trình bày)	Buổi	2	500 000	1 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Tài liệu,VPP cho đại biểu	Bộ	49	50 000	2 450 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	- Giải khát cho đại biểu, báo cáo viên	Người	50	50 000	2 500 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Tiền ăn và tiêu vật cho đại biểu, báo cáo viên	Người	50	150 000	7 500 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	- Bằng khen (Giấy chứng nhận)	Chiếc	4	500 000	2 000 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Quà tặng	Xuất	4	1 000 000	4 000 000	
	Chi hỗ trợ người tổ chức Hội nghị (5 người x 02 ngày/Hội nghị * 60.000đ/người/ngày )	Ngày	10	60 000	600 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
11	<b>Chi khác:</b> In photo mẫu biểu báo cáo, biểu mẫu quyết toán		1	4 000 000	4 000 000	Chi thực tế
II	<b>TUYỂN HUYỆN</b>				906 420 000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (VNĐ) (NSTW giá)	Chỉ dẫn
	- Bồi dưỡng báo cáo viên	Buổi	1	500 000	500 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	20	50 000	1 000 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	- Giải khát của đại biểu và báo cáo viên	Người	21	50 000	1 050 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Tiền ăn và tiêu vật của đại biểu và báo cáo viên	Ngày	21	150 000	3 150 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	- Chi hỗ trợ người tổ chức Hội nghị (5 người x 02 ngày/Hội nghị * 60.000đ/người/ngày )	Ngày	10	60 000	600 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
7	<b>Kiểm tra và xét nghiệm chất lượng nước cho Trạm y tế và trường học (01 mẫu/đv*4 đơn vị/xã * 2 lần/năm * 21 xã= 16 mẫu)</b>				<b>223 272 000</b>	
	- Phụ cấp lưu trú (2 CBộ/ngày/02 xã)* 21 xã; x 2 lần /năm = 42 ngày	Ngày	42	150 000	6 300 000	K3,Đ6TT 219/2009/TT-BTC
	- hỗ trợ tiền xăng cho CB lấy mẫu (binh quân 01người đi và về 70 km).(1000đ/km* 70km/ người*42 ngày )	Km	2 940	1 000	2 940 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
	- Xét nghiệm mẫu nước (14 chỉ số/mẫu)	Mẫu	168	1 274 000	214 032 000	TT số 08/2014/TT-BYT
8	<b>Tổ chức kiểm tra và phối hợp với xã kiểm đếm, xác nhận xã đạt vệ sinh toàn xã. Dự kiến( 1 người* 8 ngày/xã * 21xã)</b>				<b>36 960 000</b>	
	- Hỗ trợ tiền xăng xe cho cán bộ tự túc phương tiện: (Tính TB 70km/xã:/người)*1000đ/km*8 ngày/xã*21xa	Km	11 760	1 000	11 760 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
	- Hỗ trợ công tác phí (phụ cấp lưu trú)8 ngày/xã*21xa	Ngày	168	150 000	25 200 000	K3,Đ6 TT 219/2009/TT-BTC
9	<b>Sản xuất tài liệu truyền thông</b>				<b>224 910 000</b>	
	-Pano	Chiếc	21	2 000 000	42 000 000	Chi thực tế
	-Băng đĩa	Chiếc	480	20 000	9 600 000	
	-Tranh Poster	Chiếc	600	200 000	120 000 000	
	-Sổ tay	Cuốn	237	30 000	7 110 000	

	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (NS/TK cấp phát)	Chỉ chú
	- Nước uống cho ĐB và giảng viên	Người	180	50 000	9 000 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Thuê phòng ngủ cho học viên tuyến huyện (36 người/ 18 phòng* 4 đêm)	Phòng	72	500 000	36 000 000	Theo giá thực tế
	- Chi tiền ăn và tiêu vật cho ĐB và giảng viên	Người	180	150 000	27 000 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	- Giảng viên tuyến tỉnh (04 ngày/lớp)	Buổi	8	500 000	4 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Trợ giảng tuyến tỉnh(04 ngày/1 lớp)	Buổi	8	350 000	2 800 000	TT 38/2015; Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Thuê hội trường	Phòng	4	3 000 000	12 000 000	Thực tế
	- Khánh tiết	Cuộc	1	500 000	500 000	
4	<b>Xây dựng triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin trên đài truyền hình tỉnh .. ( 2 lượt/năm)</b>				11 000 000	
	- Tin bài trên đài truyền hình tỉnh	Lượt	2	5 000 000	10 000 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Tin bài trên báo tỉnh	Bài	2	500 000	1 000 000	
5	<b>Hỗ trợ giám sát đánh giá nghiệm thu XD NT hộ nghèo, cận nghèo, GD chính sách được trả thưởng và hộ lan tỏa. Dự kiến (1người /1ngày/xã/ năm)*135 xã+ 88 xã đã nghiệm thu năm 2016</b>				49 060 000	Tổng số 223:
	- Hỗ trợ tiền xăng xe cho cán bộ tự túc phương tiện: 223 xã/năm. (Tính TB 70 km/xã x 01 ngày : 1000đ/km )	Km	15 610	1 000	15 610 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
	'- Hỗ trợ phụ cấp lưu trú : 01 ngày/ xã*223 xã	Ngày	223	150 000	33 450 000	K3,Đ6 TT 219/2009/TT-BTC
6	<b>Hội nghị giao ban tuyến tỉnh, báo cáo, giám sát định kỳ . Năm 2016 thực hiện 01 cuộc Đối tượng gồm: BCD huyện 03 người*02 huyện; BCD tỉnh và tổ giúp việc 07 người</b>				6 650 000	Tổng số người : 20 người Tuyến huyện:06 người Tuyến tỉnh : 14 người
	- Tít chữ	Chiếc	1	350 000	350 000	Chi thực tế

SHTT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (VNĐ)	Chỉ dẫn
	- Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	64	50 000	3 200 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	- Giải khát	Người	65	50 000	3 250 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Tiền ăn và tiêu vật của đại biểu và báo cáo viên	Ngày	65	150 000	9 750 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	Chi hỗ trợ người tổ chức Hội nghị (5 người x 02 ngày/Hội nghị * 60.000đ/người/ngày )	Ngày	10	60 000	600 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
<b>2</b>	<b>Phát triển thị trường vệ sinh</b>				<b>23 940 000</b>	
	<i>Hướng dẫn, hỗ trợ lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh: (01 người/ 02 ngày/xã) * 21 xã</i> <i>'- Khảo sát, lựa chọn CHTI tiềm năng: (1 người/1 ngày/1 xã)</i> <i>- Tư vấn lập KHKD và xây dựng chính sách bán hàng cho CHTI: (1 người/1 ngày/1 xã)</i> <i>- Hỗ trợ thúc đẩy hoạt động của CHTI và mạng lưới bán hàng: (1 người/1 ngày/1 xã)</i>					
	- Tư vấn CHTI lập KH kinh doanh và xây dựng chính sách bán hàng, lựa chọn CTV bán hàng, lựa chọn thợ xây	Ngày	42	500 000	21 000 000	Đ10 TT số 219/2009/TT-BTC
	- Hỗ trợ tiền xăng xe cho cán bộ túc phương tiện đi lại : 02 ngày/xã* 21 xã (Tính TB 70km/xã:/người)	Km	2940	1 000	2 940 000	Điều 2 TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
<b>3</b>	<b>Tổ chức tập huấn tại tỉnh cho cán bộ nông cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá...gồm 43 người 1 lớp thực hiện trong 4 ngày:</b> (tuyển tỉnh:TTKSBT 5 + TT Truyền thông 1 + Sở GD 1 người+ tuyển huyện(TTYT 3người + Phòng giáo dục 1 ng) * 9 huyện )				<b>93 450 000</b>	Tổng số : 43 người Tuyển tỉnh : 7 người Tuyển huyện: 36 người
	- Tiền tài liệu, Văn phòng phẩm	Quyển	43	50 000	2 150 000	Đ 4 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC

**Phụ lục 2:**

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2017  
CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ  
(Do ngành Y tế thực hiện)**

*(Kèm theo KH số 63 /KH-SYT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Sở Y tế Bắc Giang)*

01USD = 22.500 (VNĐ)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn vị
<b>PHẦN II: DỰ TOÁN CHI NGHIÊN KINH PHÉP CỦA CHƯƠNG TRÌNH CÔNG CẤP NĂM 2017</b>					<b>8 172 482 000</b>	
<b>HỢP PHẦN 3: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, theo dõi và đánh giá Chương trình</b>					<b>3 900 607 000</b>	
<b>I</b>	<b>TUYÊN TỈNH</b>				<b>718 092 000</b>	
<b>1</b>	<b>Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: Tầm quan trọng của vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn (Đối tượng gồm: mỗi huyện 1PCT huyện + TTYT 3 người + Phòng giáo dục 2 người;)*9 huyện; 1 Phó CT tỉnh, 1 Chuyên viên UBND tỉnh, Sở Y tế 2 người; Sở Giáo dục 2 người; TTKSBT: 4 người)</b>				<b>21 300 000</b>	Tổng số :64 Tuyên huyện : 54 người ; Tuyên tỉnh : 10 người
	-Thuê hội trường, máy chiếu tổ chức hội nghị	Ngày	1	3 000 000	3 000 000	Chi thực tế
	- Tít chữ	Cái	1	500 000	500 000	
	- Bồi dưỡng báo cáo viên	Buổi	2	500 000	1 000 000	
						Đ3 TT 139/2010/TTBTC

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Chi chú
3.2	Chi tiền đi lại cho giảng viên (1 giảng viên/ 1 ngày x 2 ngày trung bình 70km cả đi và về)	Km	140	1 000	140 000	TT139/2010/TT-BTC
3.3	Phô tô tài liệu cho học viên	bộ	210	17 000	3 570 000	Chi theo thực tế
3.4	Túi 1 khay, bút, vở viết cho học viên	người	210	15 000	3 150 000	Chi theo thực tế
3.5	Chi vật tư VPP cho lớp tập huấn	lớp	2	300 000	600 000	Chi theo thực tế
3.6	Chi phí giảng viên	buổi	4	500 000	2 000 000	TT139/2010/TT-BTC
3.7	Chi nước uống	người/ngày	210	15 000	3 150 000	TT 97/2010/TT-BTC
3.8	Thuê làm makét	cái	2	200 000	400 000	Chi theo thực tế
3.9	Thuê hội trường tập huấn	phòng	2	1 000 000	2 000 000	Chi theo thực tế
3.10	Chụp ảnh tuyên truyền, lưu giữ hồ sơ	kiểu	10	30 000	300 000	Chi theo thực tế
<b>4</b>	<b>In ấn tài liệu truyền thông (áp phích rửa tay bằng xà phòng; sử dụng nhà tiêu, ...) và hướng dẫn sử dụng cho các trường học</b>				<b>79 800 000</b>	<b>70 trường</b>
4.1	In tờ rơi, poster in tại tỉnh và cấp cho trường học (100 bản/Trường x 70 Trường. Tổng số bản: 7000 bản)	Bộ	7,000	3 600	25 200 000	Theo thực tế
4.2	Pano (cho 70 trường MN và TH, mỗi trường 01 chiếc)	Cái	70	750 000	52 500 000	Theo thực tế
4.3	Sổ tay hướng dẫn truyền thông	Cuốn	70	30 000	2 100 000	Theo thực tế
<b>5</b>	<b>Chi khác: In photo mẫu biểu báo cáo, sổ quản lý hoạt động truyền thông, biểu mẫu quyết toán</b>				<b>7 881 000</b>	<b>Chi thực tế</b>
<b>II</b>	<b>Tuyển trường</b>				<b>177 400 000</b>	
<b>1</b>	<b>Hội nghị/ Họp triển khai thực hiện hoạt động truyền thông về vệ sinh môi trường trong trường học (1 hội nghị/ 1 trường x 70 trường)</b>				<b>42 700 000</b>	<b>70 trường</b>
1.1	Tít chữ	Tít	70	150 000	10 500 000	Chi theo thực tế
1.2	Bồi dưỡng báo cáo viên	Buổi	70	200 000	14 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
1.3	VPP cho hội nghị	Hội nghị	70	200 000	14 000 000	Theo thực tế
1.4	Chụp ảnh tuyên truyền, lưu giữ hồ sơ: 2 kiểu/1 Hội nghị	Kiểu	140	30 000	4 200 000	Chi theo thực tế
1.5	Chi khác					Trường tự túc kinh phí

**Phụ lục 3:**  
**LỰU TOÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH DỰA TRÊN KẾT QUẢ NĂM 2017**

( Do ngành Giáo dục thực hiện)

(Kèm theo KH số **63** /KH-SYT ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Sở Y tế Bắc Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Chi chú
<b>HỢP PHẦN 3: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, theo dõi và đánh giá Chương trình</b>					<b>291 375 000</b>	
<b>I</b>	<b>Tỉnh/ huyện</b>				<b>113 975 000</b>	
1	Tổ chức tập huấn TOT cho cán bộ nông cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, giám sát đánh giá 3 ngày khi có Bộ tài liệu TT mới (Sở GD: 2 người +2 người /Phòng giáo dục x2 PGD )					Sở GD&ĐT sẽ gửi người tham gia lớp tập huấn TOT do TTYTDP tỉnh tổ chức 2017
2	<b>Tổ chức hội nghị triển khai cho các trường học trong địa bàn các huyện đăng ký (1 hội nghị /1 huyện x 2 huyện)</b>				<b>10 744 000</b>	140 người (6 người/2 PGD; 2 người/ 1 trường x 70 trường; huyện Hiệp Hòa Đức Thắng, Hương Lâm, Mai Đình có 02 trường MN, TH)
2.1	Thuê hội trường, loa đài tổ chức hội nghị	Ngày	2	1 000 000	2 000 000	Chi theo thực tế
2.2	Tít chữ	Tít	2	250 000	500 000	
2.3	Chi tiền ăn, đi lại cho giảng viên (1 giảng viên/ 1 ngày x2 ngày)	Người	2	120 000	240 000	TT139/2010/TT-BTC
2.4	Chi tiền đi lại cho giảng viên (1 giảng viên/ 1 ngày x 2 ngày trung bình 70km cả đi và về)	Km	140	1 000	140 000	TT139/2010/TT-BTC
2.5	Bồi dưỡng báo cáo viên	Buổi	4	500 000	2 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
2.6	Tài liệu, VPP cho đại biểu	H.nghị	2	300 000	600 000	Theo thực tế
2.7	Chi nước uống	Người/ngày	146	17 000	2 482 000	TT 97/2010/TT-BTC
2.8	Phô tô tài liệu cho học viên	bộ	146	17 000	2 482 000	Chi theo thực tế
2.9	Chụp ảnh tuyên truyền, lưu giữ hồ sơ	kiểu	10	30 000	300 000	Chi theo thực tế
2.10	Chi khác					Phòng GD tự túc kinh phí
3	<b>Tập huấn cho BGH trường MN và TH, THCS về kiến thức và kỹ năng truyền thông về vệ sinh (1 ngày/1 lớp/ 1 huyện x 2 huyện)</b>				<b>15 550 000</b>	<b>210 người (3 người/ 1 trường x 70 trường)</b>
3.1	Chi tiền ăn, đi lại cho giảng viên (1 giảng viên/ 1 ngày x2 ngày)	Người	2	120 000	240 000	TT139/2010/TT-BTC

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (NS/TK cấp phát)	Chi chú
	Chuẩn bị địa bàn, hiện trường cho đoàn đi thăm quan	cuộc	1	5 000 000	5 000 000	Thực tế
<b>2</b>	<b>Đồ dùng, trang thiết bị phục vụ truyền thông</b>				<b>33 000 000</b>	
	Máy tính để bàn (cả bộ Dell sản xuất)	Bộ	1	14 000 000	14 000 000	Theo thực tế
	Máy in HP	Chiếc	1	6 000 000	6 000 000	Theo thực tế
	Máy ảnh Canon chụp các minh chứng (D70) ổ cứng ngoài	Chiếc	1	13 000 000	13 000 000	Theo thực tế
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>				<b>121 900 000</b>	
<b>1</b>	<b>Tập huấn cho cán bộ xã về công tác đánh giá, nghiệm thu, thanh quyết toán 7400 nhà tiêu HVS được trả thưởng ( 01 ngày/lớp* 6 lớp/6 huyện): ( tuyển xã: TYT 02 người x 135 xã ; huyện 04 người )</b>				<b>75 900 000</b>	Tổng số 294 người /6 lớp Tuyển xã: 02 người x 135 xã Huyện: 04 người x 6 huyện
	-Bồi dưỡng giảng viên tuyển tỉnh ( 02 buổi x 6 lớp)	Buổi	12	500 000	6 000 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	-Trợ giảng tuyển tỉnh ( 02 buổi x 6 lớp)	Buổi	12	350 000	4 200 000	TT 38/2015/TTLT-BYT-BTC
	-Tiền tài liệu,VPP cho học viên	Bộ	294	20 000	5 880 000	Đ4TTLT/2015/TTLTBYT-BTC
	-Thuê hội trường ( 01 ngày x 6 lớp)	Ngày	6	450 000	2 700 000	
	-Tít chữ	Tít	6	200 000	1 200 000	Chi thực tế
	-Giải khát cho đại biểu	Người	306	50 000	15 300 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	-Hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật cho đại biểu và giảng viên	Người	306	130 000	39 780 000	K1 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	-Tiền đi lại cho giảng viên tuyển tỉnh 02 người ( TB 70Km/ người/ lượt*06 lượt)	Km	840	1 000	840 000	TT 139/2010/TT-BTC (Tính theo Km và số ngày thực tế)
<b>2</b>	<b>Đồ dùng, trang thiết bị phục vụ truyền thông</b>				<b>46 000 000</b>	
	Máy tính để bàn (cả bộ Dell sản xuất)	Bộ	1	14 000 000	14 000 000	Theo thực tế
	Máy in HP	Chiếc	1	6 000 000	6 000 000	Theo thực tế
	Máy ảnh Canon chụp các minh chứng (D70)	Chiếc	2	13 000 000	26 000 000	Theo thực tế
<b>C</b>	<b>Hỗ trợ Ban chỉ đạo Chương trình</b>				<b>85 000 000</b>	
<b>1</b>	- Hỗ trợ phụ cấp cho ban chỉ đạo chương trình tỉnh, huyện, xã.( 20ban x 10 tháng x 5 người/ban x 85.000 đồng/ người / tháng)	Ban	1000	85 000	85 000 000	TT 219/2009/TT-BTC
	<b>Tổng cộng: A+B+ C</b>				<b>772 580 000</b>	
	<i>Chi chú: (Kinh phí đối ứng của tỉnh không cộng vào tổng kinh phí của Chương trình)</i>					



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính (VNĐ)	Ghi chú
7	<b>Hỗ trợ đoàn đánh giá độc lập:</b> <i>01 người/1 ngày/thôn * 208 thôn)</i>				<b>14 560 000</b>	
	-Hỗ trợ công tác phí	Người	208	70 000	14 560 000	Đ6TT số 219/2009/TT-BTC
8	<b>Giám sát đôn đốc báo cáo tiến độ các hộ gia đình hoàn thành nhà tiêu để đạt vệ sinh toàn xã trong năm 2016 ( 1 người/thôn/tháng* 05 tháng*208 thôn)</b>				<b>208 000 000</b>	
	Hỗ trợ phụ cấp giám sát báo cáo cán bộ thôn	Người	1 040	200 000	208 000 000	Đ3 TT số 219/2009/TT-BTC
<i>* Ghi chú: phần kinh phí của Chương trình không cộng phần kinh phí đối ứng.</i>						
<b>PHẦN 2. KINH PHÍ ĐOÀN LỰC CỦA TỈNH</b>					<b>572 580 000</b>	
<b>A</b>	<b>Hỗ trợ cho 85 xã không tham gia Chương trình VSTX năm 2017-2020</b>				<b>513 300 000</b>	
	<b>Sản xuất tài liệu truyền thông</b>					
	-Pano 07chiếc/ xã* 85 xã	Chiếc	149	2 000 000	297 500 000	Chi thực tế
	-Băng đĩa cấp cho 799 thôn và 85 xã	Chiếc	225	22 000	4 950 000	Chi thực tế
	-Poster cấp cho 3 chiếc/thôn*799 thôn và 85 xã	Chiếc	621	200 000	124 100 000	
	-Sổ tay cấp cho 799 thôn và 85 xã	Cuốn	225	30 000	6 750 000	
	-Tờ rơi cấp cho hộ gia đình	Tờ	40,000	2 000	80 000 000	
<b>B</b>	<b>Dự toán hoạt động hỗ trợ 17 xã VSTX 2017</b>				<b>174 280 000</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>				<b>52 380 000</b>	
1	<b>Tham quan học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong tỉnh</b> <i>gồm (3 người/huyện* 6 huyện+ 02 người/xã *17 xã+ 04 người tuyển tỉnh) * 1 cuộc</i>		Thực hiện từ 2017		<b>19 380 000</b>	Tổng số: 56 người Tuyển tỉnh: 4 người Tuyển huyện: 18 người Tuyển xã : 34 người
	Thuê hộ trường, loa đài tổ chức hội nghị	Ngày	1	1 000 000	1 000 000	Thực tế
	-Băng rôn chào mừng	Chiếc	1	500 000	500 000	
	-Tiền VPP, tài liệu cho đại biểu	Người	56	30 000	1 680 000	Đ4TTLT/2015/TTLTBYT-BTC
	Tiền ăn và tiêu vật	Người	56	150 000	8 400 000	K1 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	Giải khát	Người	56	50 000	2 800 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC

S/TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Hạng dự toán (NS/TP cấp phát)	Chỉ chi
	- Thuê tăng âm, loa đài	Buổi	7	1 000 000	7 000 000	Chi thực tế
	- Vật tư thực hành( giấy A0, giấy màu, bút dạ, xốp.....)	Công trình	7	500 000	3 500 000	
	- Nước uống	Người	707	20 000	14 140 000	Đ3,PhânII, TT97/2010/TT-BTC
	-Quà tặng cho người tham gia ( xà phòng thơm:04 bánh/xuất)	Phần quà	707	30 000	21 210 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Hỗ trợ báo cáo viên ( cả xây dựng KH và bày trình bày)	Buổi	7	300 000	2 100 000	Khoản d.Đ3TT 139/2010/TT-BTC
	- Chi hỗ trợ ban tổ chức buổi truyền thông kích hoạt (5 người /thôn/lần *07 thôn * 60.000đ/người/ngày )	Người	35	60 000	2 100 000	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
<b>3</b>	<b>Họp dân tuyên truyền về vệ sinh (2 lần/thôn* 208 thôn)</b>				<b>166 400 000</b>	
	- Chi hỗ trợ người tổ chức (02 người/ thôn*208 thôn)	Người	832	100 000	83 200 000	Chi thực tế
	- Chi hỗ trợ người tuyên truyền (01 người/* 02lần/ thôn*208 thôn)	Người	416	100 000	41 600 000	
	- Chi tiền chè nước ( 100.000/cuộc/ thôn*208 thôn)* 02 lần/thôn	Cuộc	416	100 000	41 600 000	Chi thực tế
<b>4</b>	<b>Họp lồng ghép với các cuộc họp khác</b>				<b>41 600 000</b>	
	-Nước uống : 02 lần/ thôn* 208 thôn	Cuộc	416	100 000	41 600 000	Chi Thực tế
<b>5</b>	<b>Thăm hộ gia đình, các hộ chưa có nhà tiêu HVS để có kế hoạch vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (06ngày/thôn*208 thôn)</b>				<b>87 360 000</b>	
	-Hỗ trợ công tác phí	Ngày	1 248	70 000	87 360 000	K3,Đ6 TT 219/2009/TT-BTC
<b>6</b>	<b>Phát thông điệp, tuyên truyền loa truyền thanh thôn.</b>				<b>93 600 000</b>	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
	Chi hỗ trợ người biên tập bài truyền thanh (350 từ/ bài/ trang ): 1 bài/quý/thôn x 02 quý x 208 thôn	Bài	416	75 000	31 200 000	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
	-Chi hỗ trợ phát thanh: 4 lần/ tháng/ thôn x 05 tháng x 208 thôn	Lần	4 160	15 000	62 400 000	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (NSTW cấp phủ)	Chỉ dẫn
	- Chi hỗ trợ người tổ chức Hội nghị (3 người x 02 ngày/Hội nghị*21 xã * 60.000đ/người/ngày)	Ngày	126	60 000	7 560 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Chi thưởng cho 02 xã/huyện* 02 huyện đạt vệ sinh toàn xã	Xã	4	1 000 000	4 000 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
9	<b>Hỗ trợ để giám sát hoạt động thay đổi hành vi, xã đạt vệ sinh toàn xã ( 01 người/20 ngày/xã* 21 xã)</b>				<b>29 400 000</b>	
	- Hỗ trợ công tác phí	Người	420	70 000	29 400 000	Đ6 TT số 219/2009/TT-BTC
10	<b>Hỗ trợ giám sát, đánh giá nghiệm thu XD NT hộ nghèo, cận nghèo, GD chính sách được trả thưởng và hộ lan tỏa, thực hiện tại các xã /6 huyện tham gia chương trình:</b>	405		223	<b>46 830 000</b>	03 ngày/xã * 135 xã năm 2017 + 88 xã nghiệm thu 2016 =223
	-Hỗ trợ công tác phí 03 ngày/xã*223 xã	Ngày	669	70 000	46 830 000	K3,Đ6 TT 219/2009/TT-BTC
11	<b>Chi khác</b> : In photo mẫu biểu báo cáo,	Xã	21	2 000 000	<b>42 000 000</b>	
<b>IV HOẠT ĐỘNG TẠI THÔN</b>					<b>827 970 000</b>	
1	<b>Làm bản đồ thôn ( 208thôn)</b>				<b>166 400 000</b>	Chi thực tế
	- Chi tiền làm bảng foor khung nhôm (1,3m x 1,5 m)	Chiếc	208	500 000	104 000 000	Chi thực tế
	- chi tiền hỗ trợ người vẽ bản đồ thôn	Người	208	100 000	20 800 000	
	- Chi tiền hỗ trợ y tế thôn gắn, đính biểu tượng cho bản đồ	Người	208	100 000	20 800 000	
	- Chi tiền mua bút dạ (3 bút), giấy đề can 3 màu	Thôn	208	100 000	20 800 000	Chi thực tế
2	<b>Tổ chức hội nghị truyền thông ( kích hoạt vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ (CLTS): 100 người/ buổi/thôn/xã* 07 xã (Yên thế 04 xã Hiệp hòa 03 xã). Tổng số người: 700 người</b>				<b>50 050 000</b>	Đại diện các ban ngành thôn, các hộ chưa có NT HVS

SSTT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng giá trị (NSP/VNĐ cấp tỉnh)	Chỉ tiêu
7	<b>Hội nghị giao ban tuyến xã, báo cáo, giám sát định kỳ (01 cuộc/xã*21xã)</b> (Đối tượng gồm: Tuyến huyện ( BCD 02 người ); tuyến xã mỗi xã (BCD xã 7 người + thôn 04 người/thôn* 208thôn			1 021	<b>235 910 000</b>	Tổng số người : 164 người Tuyến huyện: 42 người Tuyến xã : 147 người Thôn: 1021 người
	- Tít chữ	Chiếc	21	200 000	4 200 000	Chi thực tế
	- Thuê hội trường	Ngày	21	500 000	10 500 000	Chi thực tế
	- Bồi dưỡng báo cáo viên ( xây dựng và trình bày)	Buổi	21	300 000	6 300 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	1 021	50 000	51 050 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	- Giải khát	Người	1 042	50 000	52 100 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Tiễn ăn và tiêu vật của đại biểu và báo cáo viên	Ngày	1 042	100 000	104 200 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	- Chi hỗ trợ người tổ chức Hội nghị (3 người x 02 ngày/Hội nghị*21 xã 60.000đ/người/ngày )	Ngày	126	60 000	7 560 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
8	<b>Hội nghị tổng kết và trao thưởng ( 01 cuộc/xã*21xã)</b> (Đối tượng gồm: Tuyến huyện ( BCD 02 người ); tuyến xã mỗi xã (BCD xã 7 người + thôn 04 người/thôn* 208 thôn			1 021	<b>239 910 000</b>	Tổng số người : 1021 người Tuyến huyện: 42 người Tuyến xã : 147 người Thôn: 832 người
	- Tít chữ	Chiếc	21	200 000	4 200 000	Chi thực tế
	- Thuê hội trường	Ngày	21	500 000	10 500 000	
	- Bồi dưỡng báo cáo viên ( xây dựng và trình bày)	Buổi	21	300 000	6 300 000	Đ3 TT 139/2010/TTBTC
	- Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	1 021	50 000	51 050 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	- Giải khát	Người	1 042	50 000	52 100 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Tiễn ăn và tiêu vật của đại biểu và báo cáo viên	Ngày	1 042	100 000	104 200 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC

S/TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (NS/TV chi phí)	Chức vụ
	- Thuê dựng phông chính, tăng âm, loa đài, bàn ghế	Lễ đài	21	3 500 000	73 500 000	Chi thực tế
	- Bảng rôn khẩu hiệu 2 mặt lớn treo trên trục đường chính ( 4 chiếc xã x 21 xã)	Chiếc	84	400 000	33 600 000	
	-Giải khát ( 100 người/xã x 21 xã)	Người	2 100	50 000	105 000 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Chi hỗ trợ ban tổ chức lễ phát động (5 người x 3 ngày/ xã*21 xã* 30.000đ/người/ngày )	Người	315	30 000	9 450 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Mua và in mũ lưỡi trai ( 100 người / xã 21 xã)	Chiếc	2 100	25 000	52 500 000	
	- Dụng cụ thực hành	Cuộc	21	500 000	10 500 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Quà tặng cho người tham gia ( xã phòng thom: 02 bánh/xuất)	Phần quà	2 100	15 000	31 500 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
	- Hỗ trợ hoạt động văn nghệ, tiểu phẩm, kịch (5 tiết mục/xã)* 21 xã	Tiết mục	105	1 000 000	105 000 000	Chi thực tế
<b>4</b>	<b>Chi lắp đặt pano, áp phích, vẽ tranh tường</b>				<b>191 100 000</b>	
	- Lắp pano có chân ( 1 khung/xã x 21 xã )	Khung	21	100 000	2 100 000	Chi thực tế
	- Vẽ tranh tường: 3 tranh/ xã (tại trường học, trạm y tế, nơi công cộng x 21 xã )	Bức	63	3 000 000	189 000 000	Chi thực tế
<b>5</b>	<b>Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa truyền thanh xã ( thực hiện tại 21 xã)</b>				<b>14 175 000</b>	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
	- Chi hỗ trợ người biên tập tài liệu truyền thanh ( 350 từ/ trang/bài ) 01bài/ tháng/ xã x 05 tháng *21 xã	Bài	105	75 000	7 875 000	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
	- Chi hỗ trợ người phát thanh: 4 lần/bài/xã/ tháng x 05 tháng x 21 xã	Lần	420	15 000	6 300 000	Đ 10 TT38/2015/TTLT BTC-BYT
<b>6</b>	<b>Phối hợp với đoàn đánh giá độc lập: 02 người/ 3 ngày/xã * 21 xã</b>				<b>8 820 000</b>	
	-Hỗ trợ công tác phí	Người	126	70 000	8 820 000	Đ6TT số 219/2009/TT-BTC

S/TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng dự toán (NSH/W cấp phát)	Chi chi
	- Chi hỗ trợ ban tổ chức Hội nghị (3 người x 02 ngày/Hội nghị * 02 hội nghị * 60.000đ/người/ngày )	Ngày	12	60 000	720 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
12	<i>Chi khác</i> : In photo mẫu biểu báo cáo, sổ quản lý công trình vệ sinh, biểu mẫu quyết toán 4000000đ/huyện	huyện	2	4 000 000	8 000 000	Chi thực tế
III	<b>TUYỂN XÃ</b>				<b>1 448 125 000</b>	
1	<i>Hội nghị triển khai, giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn ( 21 xã dự án): UBND xã 3 người + TYT 2 người + TH 3 người + (Ban ngành thôn 4 người* 208 thôn); tuyển huyện( 01 người UBND huyện+ TTYT 02 người+ Phòng GD 01 người)* 21hội nghị</i>				<b>215 990 000</b>	01 Hội nghị/01 xã/01 ngày ; Tổng số : 1084 người Tuyển huyện : 84 người Tuyển xã : 168 người Thôn: 832 người
	- Tít chữ tổ chức hội nghị	Cái	21	200 000	4 200 000	Chi thực tế
	- Thuê hội trường , tăng âm loa đài	Ngày	21	500 000	10 500 000	
	- Hỗ trợ báo cáo viên ( cả xây dựng KH và bày trình bày)	Buổi	21	300 000	6 300 000	Khoản d.Đ3 TT 139/2010/TT-BTC
	- Tài liệu, VPP cho đại biểu	Bộ	1 084	20 000	21 680 000	Đ7 TT số 219/2009/TT-BTC
	-Giải khát	Người	1 105	50 000	55 250 000	K2 Đ5 TT 192/2011/TTBTC
	- Hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật cho đại biểu, người tham gia	Người	1 105	100 000	110 500 000	K3,Đ7 TT 219/2009/TT-BTC
	-Chi hỗ trợ ban tổ chức Hội nghị (3 người x 02 ngày/xã *21 xã * 60.000đ/người/ngày )	Ngày	126	60 000	7 560 000	Đ10 TTLT 38/2015/TTLT BYT-BTC
2	<i>Hỗ trợ giúp chuyên gia tư vấn xây dựng chính sách bán hàng cho CHTI: lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường. ( 01 người/ 02 ngày/xã * 21 xã)</i>				<b>2 940 000</b>	
	-Hỗ trợ công tác phí (phụ cấp lưu trú): 03 ngày/xã* 21 xã	Ngày	42	70 000	2 940 000	K3,Đ6 TT 219/2009/TT-BTC
3	<i>Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước ( 01 lần/xã/năm *100 người/xã* 21 xã)</i>				<b>421 050 000</b>	Lãnh đạo; ban ngành , đoàn thể của xã , thôn